



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 55

Ngày 01 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 01-11-2012 - Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND về bãi bỏ Quyết định số 93/2007/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về phân loại đơn vị hành chính phường, xã, thị trấn thuộc thành phố Hồ Chí Minh. 3
- 03-11-2012 - Chỉ thị số 24/2012/CT-UBND về công tác lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 5
- 19-11-2012 - Quyết định số 51/2012/QĐ-UBND ban hành Quy định về việc xây dựng và công bố một số chỉ số đánh giá thị trường bất động sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 10

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

- 05-11-2012 - Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Lực lượng Kiểm tra Liên ngành hoạt động văn hóa, thông tin và phòng, chống tệ nạn xã hội quận Bình Tân. 24

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

- 07-10-2012 - Quyết định số 11/2012/QĐ-UBND ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng cấp Thành phố trên địa bàn huyện Bình Chánh. 38

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

- 12-11-2012 - Quyết định số 10/2012/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Lực lượng Kiểm tra Liên ngành hoạt động văn hóa, thông tin và phòng, chống tệ nạn xã hội huyện Cần Giờ. 44

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 16-11-2012 - Quyết định số 5852/QĐ-UBND về phê duyệt “Chương trình xây dựng Hệ thống thông tin chuyên ngành”. 54
- 16-11-2012 - Quyết định số 5867/QĐ-UBND về phê duyệt Chương trình Phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trên công nghệ nguồn mở giai đoạn 2012 - 2015. 63
- 16-11-2012 - Chỉ thị số 25/CT-UBND về việc tăng cường thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” trên địa bàn thành phố. 72

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 50/2012/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 11 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Về bãi bỏ Quyết định số 93/2007/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2007
của Ủy ban nhân dân thành phố về phân loại đơn vị hành chính phường,
xã, thị trấn thuộc thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 159/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn; Thông tư số 05/2006/TT-BNV ngày 30 tháng 5 năm 2006 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn một số điều quy định tại Nghị định số 159/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 730/TTr-SNV ngày 22 tháng 10 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bãi bỏ Quyết định số 93/2007/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về phân loại đơn vị hành chính phường, xã, thị trấn thuộc thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Công an thành phố, Cục trưởng Cục Thống kê thành phố, Thủ trưởng Sở, ngành liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/2012/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 11 năm 2012

CHỈ THỊ

Về công tác lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết số 16/2012/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Hội đồng nhân dân Thành phố về công tác lập, tổ chức thực hiện và quản lý quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố và Kế hoạch số 5100/KH-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giải quyết một số vấn đề cấp bách cần khắc phục theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI và tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố; Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện khẩn trương thực hiện các nội dung sau:

I. VỀ CÔNG TÁC LẬP, THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH ĐÔ THỊ

1. Đối với 8 đồ án điều chỉnh quy hoạch chung quận - huyện chưa trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt gồm các quận 7, 10, 12, Bình Thạnh, Bình Tân, Gò Vấp và huyện Bình Chánh, Nhà Bè: Giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc chịu trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân quận - huyện nêu trên và các đơn vị có liên quan khẩn trương hoàn chỉnh hồ sơ, tổ chức thẩm định trình Ủy ban nhân dân Thành phố để phê duyệt trước ngày 15 tháng 11 năm 2012.

Đối với đồ án điều chỉnh quy hoạch chung quận 2 và quận 11: Giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc chịu trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân quận nêu trên và các đơn vị có liên quan phải khẩn trương hoàn chỉnh hồ sơ, tổ chức thẩm định trình Ủy ban nhân dân Thành phố để phê duyệt trước ngày 25 tháng 11 năm 2012.

2. Đối với 198 hồ sơ đang lập mới quy hoạch phân khu và 102 hồ sơ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 không phù hợp, cần thiết phải điều chỉnh: Giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc đôn đốc Ủy ban nhân dân quận - huyện, các Ban Quản lý khu đô

thị, các cơ quan tổ chức lập quy hoạch khẩn trương lập kế hoạch chi tiết về tiến độ triển khai thực hiện việc lập, thẩm định và phê duyệt. Hàng tháng tổ chức giao ban, rà soát tiến độ, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn. Trường hợp vượt quá thẩm quyền, báo cáo Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định ngay. Phấn đấu hoàn thành phủ kín các đồ án quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 trước ngày 30 tháng 9 năm 2013.

Đối với đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 và Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị cấp 2 khu trung tâm hiện hữu thành phố mở rộng (930 ha); trên cơ sở góp ý của Hội đồng nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố, giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc khẩn trương hoàn chỉnh trình Ủy ban nhân dân Thành phố trước ngày 15 tháng 11 năm 2012.

II. VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ QUY HOẠCH ĐÔ THỊ

1. Các cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị (Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân quận - huyện, các Ban Quản lý khu đô thị) có trách nhiệm tổ chức công bố trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày đồ án được phê duyệt.

2. Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc khẩn trương hoàn chỉnh dự thảo Quyết định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị trình Ủy ban nhân dân Thành phố để ban hành trong tháng 12 năm 2012.

3. Công tác lập thiết kế đô thị; Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị:

a) Đối với thiết kế đô thị dọc 3 tuyến đường: đường Võ Văn Kiệt, Mai Chí Thọ (Đại lộ Đông Tây), đường Phạm Văn Đồng (Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - Vành đai ngoài) và tuyến đường Xa lộ Hà Nội, giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc khẩn trương hoàn chỉnh hồ sơ đồ án theo quy định, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt trong tháng 12 năm 2012.

b) Căn cứ vào các đồ án quy hoạch đô thị đã được phê duyệt (quy hoạch chung các quận - huyện, quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000), Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị, Thông tư số 19/2010/TT-BXD ngày 22 tháng 10 năm 2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị và các quy định pháp luật khác có liên quan, Sở Quy hoạch - Kiến trúc khẩn trương lập kế hoạch triển khai thực hiện việc xây dựng Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị và trình Ủy ban nhân dân Thành phố để phê duyệt trước ngày 10 tháng 12 năm 2012.

4. Về công tác tổ chức thực hiện quy hoạch:

a) Giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc đơn đốc Ủy ban nhân dân quận - huyện, các Ban Quản lý khu đô thị, phải thường xuyên rà soát, đánh giá quá trình thực hiện các đồ án quy hoạch đã được phê duyệt:

- Đối với các đồ án đã có kế hoạch thực hiện thì cần công bố thời gian và lộ trình thực hiện để cộng đồng dân cư được biết, giám sát.

- Đối với các đồ án chưa có kế hoạch thực hiện nhưng cần thiết phải giữ lại để bảo đảm yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và chỉnh trang đô thị: giao Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các ngành chức năng nghiên cứu đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố và các cấp có thẩm quyền xem xét, để tiếp tục hoàn thiện chính sách đảm bảo hài hòa lợi ích trước mắt và lâu dài, vừa đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của thành phố và lợi ích chính đáng, hợp pháp của người đang có quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở trong địa bàn quy hoạch.

- Đối với các nội dung mà qua rà soát, đánh giá nhận thấy thiếu tính khả thi, cần thiết phải điều chỉnh quy hoạch, thì cần công bố và lấy ý kiến cộng đồng dân cư về nội dung điều chỉnh (giữ lại chức năng hiện trạng hoặc chuyển sang chức năng khác) để lập điều chỉnh quy hoạch theo quy định.

b) Giao Ủy ban nhân dân quận - huyện, các Ban Quản lý khu đô thị kiểm tra, giám sát thường xuyên về tiến độ thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn để kịp thời phát hiện xử lý hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xử lý đối với những dự án không triển khai, triển khai chậm hoặc triển khai thực hiện không đúng quy hoạch.

III. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN - HUYỆN, CÁC ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP QUY HOẠCH

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm cung cấp các bản đồ khảo sát về địa hình (đã được cập nhật các biến động) để các cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị triển khai thực hiện công tác lập quy hoạch đô thị.

2. Giao Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, các Trưởng Ban Quản lý khu đô thị, Thủ trưởng cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị có kế hoạch, dự trù kinh phí cho công tác lập, quản lý, công bố công khai, cung cấp thông tin về quy hoạch, tổ chức cắm mốc giới và gửi về Sở Tài chính tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

3. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có trách nhiệm phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân quận - huyện, các Ban Quản lý khu đô thị và các đơn vị tư vấn trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị: Căn cứ vào chức

năng, nhiệm vụ quản lý Nhà nước của mình, các Sở, ban, ngành có trách nhiệm cung cấp các thông tin có liên quan kịp thời, đầy đủ về dân số, kinh tế - xã hội, ngành - lĩnh vực... cho các cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị, các đơn vị tư vấn trong quá trình lập quy hoạch đô thị. Quá thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản hỏi ý kiến, nhưng các Sở, ban, ngành không có ý kiến phản hồi thì xem như thống nhất với các số liệu, phương án đề xuất của đơn vị hỏi ý kiến; và khi triển khai thực hiện theo quy hoạch đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, mà các cơ quan, đơn vị có liên quan hoặc người dân tại địa phương có phản ánh vướng mắc, không phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương thì các Sở, ban, ngành đã được hỏi ý kiến phải chịu trách nhiệm.

4. Giao Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc phê duyệt Đề cương, tổng dự toán và Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị (trừ các nhiệm vụ, đồ án quy hoạch được phân cấp theo quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5, 7, 8 Điều 12 Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh).

5. Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện khẩn trương dự thảo, trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định về Quy chế phối hợp giữa Sở Quy hoạch - Kiến trúc với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện về công tác lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch trên địa bàn thành phố.

6. Đối với các tổ chức tư vấn lập quy hoạch đô thị:

- Các tổ chức tư vấn, cá nhân tham gia lập quy hoạch đô thị phải có đủ điều kiện năng lực, hành vi dân sự và kinh nghiệm theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về điều kiện năng lực của tổ chức tư vấn, cá nhân thiết kế quy hoạch xây dựng.

- Đối với các tổ chức tư vấn lập quy hoạch đô thị nhưng có biểu hiện trì trệ, kéo dài thời gian lập các hồ sơ quy hoạch đô thị mà không có lý do chính đáng; tùy theo mức độ vi phạm, Ủy ban nhân dân quận - huyện, các Ban Quản lý khu đô thị, các cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị phải kịp báo cáo, đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố xử lý theo các hình thức:

+ Bồi thường thiệt hại theo Hợp đồng kinh tế đã ký kết giữa cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị và đơn vị tư vấn;

+ Xử phạt hành chính theo Nghị định số 23/2009/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh

doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở;

+ Đình chỉ hành nghề tư vấn của đơn vị tư vấn, thu hồi chứng chỉ hành nghề của cá nhân chủ trì đồ án.

Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện khẩn trương triển khai thực nghiêm túc Chỉ thị này. Chỉ thị này có hiệu lực sau 07 ngày, kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 51/2012/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 11 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về việc xây dựng và công bố một số chỉ số đánh giá thị trường bất động sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản;

Căn cứ Thông tư số 14/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 6 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về phân hạng nhà chung cư;

Căn cứ Thông tư số 20/2010/TT-BXD ngày 27 tháng 10 năm 2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thí điểm xây dựng và công bố một số chỉ số đánh giá thị trường bất động sản;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng (tại các Tờ trình số 8425/TTr-SXD-VPTT ngày 23 tháng 10 năm 2012 và số 02/TTr-BCĐ-VPTT ngày 16 tháng 01 năm 2012); Sở Tư pháp (Công văn số 4502/STP-VB ngày 09 tháng 9 năm 2011),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản “Quy định về việc xây dựng và công bố một số chỉ số đánh giá thị trường bất động sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện; Chủ tịch Hiệp hội bất động sản thành phố; Giám đốc các Sàn giao dịch bất động sản và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về việc xây dựng và công bố một số chỉ số đánh giá thị trường
bất động sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 51/2012/QĐ-UBND
ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về việc xây dựng và công bố một số chỉ số đánh giá thị trường bất động sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; làm cơ sở để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo, sử dụng vào việc quản lý, phát triển thị trường bất động sản Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Phân loại bất động sản

1. Căn hộ chung cư:

a) Phân loại căn hộ chung cư:

- Chung cư loại 1: là chung cư được phân hạng 1 theo quy định của Bộ Xây dựng và có giá bán từ 60 triệu đồng/m² trở lên.

- Chung cư loại 2: là chung cư được phân hạng 2 theo quy định của Bộ Xây dựng và có giá bán từ 30 triệu đồng/m² đến dưới 60 triệu đồng/m².

- Chung cư loại 3: là chung cư được phân hạng 3 theo quy định của Bộ Xây dựng và có giá bán từ 15 triệu đồng/m² đến dưới 30 triệu đồng/m².

- Chung cư loại 4: là chung cư được phân hạng 4 theo quy định của Bộ Xây dựng và có giá bán dưới 15 triệu đồng/m².

b) Giá bán các loại chung cư nêu trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và được thay đổi từng năm theo giá thị trường.

2. Nhà ở riêng lẻ:

- a) Nhà ở trong khu phố, khu dân cư hiện hữu.
- b) Nhà ở trong các khu đô thị.
- c) Nhà ở tại các dự án nhà ở.

3. Đất nền:

- a) Đất nền trong khu phố, khu dân cư hiện hữu.
- b) Đất nền trong các khu đô thị.
- c) Đất nền tại các dự án nhà ở.

4. Văn phòng cho thuê:

a) Phân loại văn phòng cho thuê:

- Văn phòng hạng A: là văn phòng có giá thuê từ 700.000 đồng/m²/tháng trở lên.
- Văn phòng hạng B: là văn phòng có giá thuê từ 400.000 đồng/m²/tháng đến dưới 700.000 đồng/m²/tháng.

- Văn phòng hạng C: là văn phòng có giá thuê dưới 400.000 đồng/m²/tháng.

b) Giá thuê các loại văn phòng nêu trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, phí phục vụ và được thay đổi từng năm theo giá thị trường.

Điều 3. Phân chia khu vực

Các chỉ số được xây dựng và công bố bao gồm các chỉ số chung cho địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và các chỉ số cho từng khu vực như sau:

1. Khu vực 1: quận 1, quận 3.

2. Khu vực 2: quận 4, 5, 6, 10, 11, Phú Nhuận, Bình Thạnh, Tân Bình, Tân Phú.

Khu vực 2 được chia thành 2 phân khu:

a) Phân khu 1: quận 4, 5, 10, 11, Phú Nhuận, Bình Thạnh.

b) Phân khu 2: quận 6, Tân Bình, Tân Phú.

3. Khu vực 3: quận 2, 7, 9, 12, Thủ Đức, Gò Vấp, Bình Tân. Khu vực này được chia làm 4 phân khu:

a) Phân khu 1: quận 9, Thủ Đức.

b) Phân khu 2: quận 2, khu đô thị Thủ Thiêm.

c) Phân khu 3: khu đô thị Nam Sài Gòn (huyện Bình Chánh: xã Bình Hưng, xã Phong Phú, xã An Phú Tây, xã Hưng Long; quận 7; quận 8) và một số khu dân cư mới ở quận 7.

d) Phân khu 4: Khu đô thị Tây Bắc - Củ Chi và một số khu dân cư quận Gò Vấp, quận 12, quận Bình Tân.

4. Khu vực 4: Khu đô thị cảng Hiệp Phước và 5 huyện ngoại thành như Bình Chánh (trừ xã Bình Hưng, xã Phong Phú, xã An Phú Tây, xã Hưng Long), Hóc Môn, Nhà Bè, Củ Chi và Cần Giờ.

Điều 4. Bất động sản làm đại diện cho khu vực

1. Khu vực 1: căn hộ chung cư, nhà ở riêng lẻ, văn phòng cho thuê.

2. Khu vực 2:

a) Phân khu 1: căn hộ chung cư, nhà ở riêng lẻ, văn phòng cho thuê.

b) Phân khu 2: căn hộ chung cư, nhà ở riêng lẻ.

3. Khu vực 3:

a) Phân khu 1: căn hộ chung cư, nhà ở riêng lẻ, đất nền chuyển nhượng.

b) Phân khu 2: căn hộ chung cư, nhà ở riêng lẻ, đất nền chuyển nhượng, văn phòng cho thuê.

c) Phân khu 3: căn hộ chung cư, nhà ở riêng lẻ, đất nền chuyển nhượng, văn phòng cho thuê.

d) Phân khu 4: căn hộ chung cư, nhà ở riêng lẻ, đất nền chuyển nhượng.

4. Khu vực 4: căn hộ chung cư, nhà ở riêng lẻ, đất nền chuyển nhượng.

Chương II

THU THẬP THÔNG TIN, SỐ LIỆU ĐỂ XÂY DỰNG CÁC CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN

Điều 5. Thông tin, số liệu từ các cơ quan quản lý Nhà nước:

Các Sở - ngành, đơn vị sau đây có trách nhiệm tổng hợp, lưu trữ các thông tin, số liệu có liên quan đến giao dịch bất động sản và định kỳ vào ngày 25 của tháng thứ 3 hàng quý gửi kết quả tổng hợp (kèm theo file Excel) theo mẫu tại Phụ lục 1, 2, 3, 4 của Quy định này về Sở Xây dựng:

1. Sở Tư pháp: cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến giao dịch bất động sản thông qua các hợp đồng công chứng về giao dịch bất động sản của các tổ chức hành nghề công chứng.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường: cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến giao dịch bất động sản thông qua công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của các Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường (nếu chưa thành lập Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất) của 24 quận - huyện.

3. Cục Thuế Thành phố: cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến giao dịch bất động sản thông qua thu thuế chuyển nhượng bất động sản tại các Chi Cục Thuế của 24 quận - huyện.

4. Hiệp hội Bất động sản Thành phố: cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến giao dịch bất động sản thông qua tổng hợp các thông tin về kinh tế, dự báo thị trường bất động sản, các dự án đầu tư phát triển bất động sản.

5. Các sàn giao dịch bất động sản: cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến giao dịch bất động sản thông qua các giao dịch bất động sản qua sàn.

Điều 6. Điều tra, khảo sát thị trường

1. Định kỳ hàng quý, Sở Xây dựng (hoặc đơn vị tư vấn có năng lực, kinh nghiệm) tiến hành điều tra, khảo sát thực tế các giao dịch thành công trên thị trường (theo giá trị thị trường).

2. Trên cơ sở mẫu Phiếu điều tra tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BXD ngày 27 tháng 10 năm 2010 của Bộ Xây dựng và các biểu mẫu tại Phụ lục 1, 2, 3, 4 của Quy định này, Sở Xây dựng (hoặc đơn vị tư vấn) lập các biểu mẫu phiếu điều tra, khảo sát chi tiết cho phù hợp với từng loại bất động sản cần thu thập thông tin.

Chương III

XÁC ĐỊNH VÀ CÔNG BỐ CÁC CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN

Điều 7. Xác định các chỉ số đánh giá thị trường bất động sản

1. Việc xác định các chỉ số đánh giá thị trường bất động sản thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BXD ngày 27 tháng 10 năm 2010 của Bộ Xây dựng.

2. Nguyên tắc xác định các chỉ số đánh giá thị trường bất động sản:

a) Chỉ số giá giao dịch bất động sản:

- Chỉ số giá giao dịch bất động sản chung của Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chỉ số giá giao dịch từng loại bất động sản ở từng khu vực quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3 của Quy định này.

- Chỉ số giá giao dịch được xác định trên cơ sở giá của bất động sản được giao dịch thành công trên thị trường trong giai đoạn tính toán, không phải là giá giao dịch lần đầu của bất động sản mới được hình thành hay mới được tạo lập.

b) Chỉ số lượng giao dịch bất động sản:

- Chỉ số lượng giao dịch bất động sản chung của Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chỉ số lượng giao dịch từng loại bất động sản ở từng khu vực quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3 của Quy định này.

- Chỉ số lượng giao dịch bất động sản được xác định trên cơ sở số lượng giao dịch thành công trong giai đoạn tính toán của các loại bất động sản.

Điều 8. Các thức thực hiện

1. Sở Xây dựng là cơ quan chủ trì xây dựng cơ sở dữ liệu và tính toán, xây dựng các chỉ số đánh giá thị trường bất động sản. Sở Xây dựng có thể thuê các tổ chức, cá nhân có năng lực, kinh nghiệm trong lĩnh vực định giá bất động sản để thực hiện một số phần việc hoặc toàn bộ công việc thu thập số liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu và tính toán xác định các chỉ số đánh giá thị trường bất động sản theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 20/2010/TT-BXD ngày 27 tháng 10 năm 2010 của Bộ Xây dựng.

2. Trong trường hợp thuê các tổ chức, cá nhân thực hiện các công việc nêu tại Khoản 1 Điều này, Sở Xây dựng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Tổ Chuyên viên giúp việc Ban Chỉ đạo chính sách nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, đánh giá sự phù hợp của các số liệu và tính chính xác của các chỉ số do các tổ chức, cá nhân được thuê thực hiện trước khi báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố công bố.

3. Nguồn kinh phí để thu thập, tính toán xác định, công bố các chỉ số được cân đối từ nguồn ngân sách thành phố.

Điều 9. Công bố các chỉ số đánh giá thị trường bất động sản

1. Nội dung công bố các chỉ số đánh giá thị trường bất động sản gồm: chỉ số giá

giao dịch bất động sản và chỉ số lượng giao dịch bất động sản của Thành phố Hồ Chí Minh và của từng khu vực quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3 của Quy định này.

2. Các chỉ số được công bố phải đầy đủ, kịp thời, phản ánh sát với tình hình biến động của thị trường bất động sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các chỉ số được công bố hàng quý và hàng năm.

4. Thời điểm công bố:

a) Các chỉ số công bố theo quý: thực hiện vào ngày 15 tháng đầu tiên của quý sau.

b) Các chỉ số công bố theo năm: thực hiện vào ngày 15 tháng 01 năm sau.

5. Tổ chức công bố:

Vào thời điểm công bố quy định tại Khoản 4 Điều này, Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cho Sở Xây dựng thông cáo báo chí các chỉ số đánh giá thị trường bất động sản Thành phố Hồ Chí Minh và công bố các chỉ số trên website của Ủy ban nhân dân thành phố, website của Sở Xây dựng, website của Hiệp hội Bất động sản Thành phố và các phương tiện thông tin đại chúng.

6. Thực hiện việc công bố lần đầu các chỉ số từ quý 1/2013.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 10. Trách nhiệm của các Sở - ngành, các đơn vị có liên quan

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm:

a) Chủ trì tổ chức triển khai việc xây dựng và công bố một số chỉ số đánh giá thị trường bất động sản theo quy định tại Thông tư số 20/2010/TT-BXD ngày 27 tháng 10 năm 2010 của Bộ Xây dựng.

b) Dự toán kinh phí để tổ chức xây dựng và công bố các chỉ số đánh giá thị trường bất động sản, chuyển Sở Tài chính thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

c) Tổ chức xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu và tính toán các chỉ số đánh giá thị trường bất động sản. Kiến nghị Bộ Xây dựng hướng dẫn, hỗ trợ việc xây dựng phần mềm nêu trên để cùng thực hiện thống nhất cho tất cả các địa phương được lựa chọn thí điểm công bố các chỉ số.

d) Phối hợp với Ban Điều hành Mạng các sàn giao dịch bất động sản Việt Nam khu vực miền Nam thiết lập cơ sở dữ liệu chung về giao dịch bất động sản của các sàn giao dịch bất động sản đang hoạt động trên địa bàn thành phố, phục vụ cho công tác xây dựng các chỉ số.

đ) Điều tra, khảo sát thị trường theo quy định tại Điều 6 Quy định này.

e) Xây dựng cơ sở dữ liệu và tính toán các chỉ số đánh giá thị trường bất động sản theo quy định tại Điều 8 Quy định này.

g) Công bố các chỉ số theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định tại Khoản 5 Điều 9 Quy định này.

h) Gửi báo cáo theo định kỳ công bố các chỉ số về Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân Thành phố để theo dõi, kiểm tra.

i) Hàng năm, trình Ủy ban nhân dân Thành phố điều chỉnh giá bán các loại căn hộ chung cư nêu tại Khoản 1 Điều 2 và giá thuê các loại văn phòng cho thuê nêu tại Khoản 4 Điều 2 Quy định này phù hợp với giá thị trường.

2. Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt dự toán kinh phí để tổ chức xây dựng và công bố các chỉ số đánh giá thị trường bất động sản.

3. Sở Nội vụ rà soát, bố trí nhân sự có năng lực chuyên môn cho Sở Xây dựng thực hiện việc xây dựng và công bố các chỉ số đánh giá thị trường bất động sản.

4. Sở Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu liên quan đến giao dịch bất động sản thông qua các hợp đồng công chứng và cung cấp thông tin, số liệu cho Sở Xây dựng theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quy định này.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu liên quan đến giao dịch bất động sản thông qua cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất và cung cấp thông tin, số liệu cho Sở Xây dựng theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Quy định này.

6. Cục Thuế Thành phố có trách nhiệm tổng hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu liên quan đến giao dịch bất động sản thông qua thu thuế chuyển nhượng bất động sản và cung cấp thông tin, số liệu cho Sở Xây dựng theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Quy định này.

7. Hiệp hội Bất động sản Thành phố có trách nhiệm:

a) Hỗ trợ Sở Xây dựng trong công tác tổng hợp, cung cấp thông tin theo quy định tại Khoản 4 Điều 5 Quy định này.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng công bố các chỉ số trên website của Hiệp hội Bất động sản theo quy định tại Khoản 5 Điều 9 Quy định này.

c) Tổng hợp, phản ánh với Sở Xây dựng các ý kiến của các hội viên, các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản về sự phù hợp của các chỉ số được công bố.

8. Tổ Chuyên viên giúp việc Ban Chỉ đạo chính sách nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng xem xét, đánh giá sự phù hợp của các số liệu và tính chính xác của các chỉ số trước khi báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố công bố.

9. Các sàn giao dịch bất động sản có trách nhiệm tổng hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu liên quan đến giao dịch bất động sản thông qua sàn giao dịch bất động sản và cung cấp thông tin, số liệu cho Sở Xây dựng theo quy định tại Khoản 5 Điều 5 Quy định này.

Điều 11. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các Sở - ngành và các đơn vị có liên quan phản ánh đến Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, kịp thời bổ sung điều chỉnh./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

PHỤ LỤC 1: MẪU TỔNG HỢP SỐ LIỆU GIAO DỊCH CĂN HỘ CHUNG CƯ ĐỂ BÁN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 51/2012/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Số Hợp đồng giao dịch/ Số xác nhận BĐS giao dịch qua sàn	Tên dự án căn hộ chung cư	Địa chỉ	Quận/ Huyện	Diện tích (m ²)	Đặc điểm căn hộ	Thời điểm giao dịch thành công	Giá giao dịch thành công (triệu đồng)	Thuế chuyển nhượng BĐS	Ghi chú
1	123/HĐ hoặc 123/XNBĐS	Chung cư Everich	số 312 đường 3/2, phường 14, quận 10	10	80	Tầng 10, 2 phòng ngủ, 2 WC, ...	18/12/2010	1.500	30	
2										
3										

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 2: MẪU TỔNG HỢP SỐ LIỆU GIAO DỊCH NHÀ Ở RIÊNG LẺ ĐỂ BÁN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 51/2012/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Số Hợp đồng giao dịch/ Số xác nhận BĐS giao dịch qua sàn	Nhà ở tại dự án nhà ở (tên dự án)/ Nhà ở trong khu đô thị (tên khu đô thị)/ Nhà ở trong khu phố, khu dân cư hiện hữu	Địa chỉ	Quận/ Huyện	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Đặc điểm nhà ở	Thời điểm giao dịch thành công	Giá giao dịch thành công (triệu đồng)	Thuế chuyển nhượng BĐS	Ghi chú
1	12/HĐ hoặc 12/XNBĐS	Khu nhà ở biệt thự tại phường Thạnh Mỹ Lợi	số 123, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2	2	200	350	mặt tiền 6m, 2 tầng, 1 phòng khách, 3 phòng ngủ, 3 WC, ...	18/12/2010	6.000	120	
2	13/HĐ hoặc 13/XNBĐS	Khu đô thị Nam Sài Gòn	số 456, đường Nguyễn Văn Linh, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh	Bình Chánh	100	280	mặt tiền 12m, 3 tầng, 1 phòng khách, 3 phòng ngủ, 3 WC, ...	19/12/2010	3.000	60	
3	14/HĐ hoặc 14/XNBĐS	Khu nhà ở ABC	số 789, đường ABC, phường ABC, quận 2	2	80	150	mặt tiền 6m, 2 tầng, 1 phòng khách, 2 phòng ngủ, 2 WC, ...	20/12/2010	2.800	56	
4	15/HĐ hoặc 15/XNBĐS	Nhà ở trong khu phố, khu dân cư hiện hữu	số 259, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường 8, quận 3	3	60	80	hẻm 4 m, 1 triệt, 1 lửng, 1 phòng khách, 2 phòng ngủ, 1 WC, ...	21/12/2010	2.000	40	
5											
6											

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 3: MẪU TỔNG HỢP SỐ LIỆU GIAO DỊCH ĐẤT NỀN CHUYỂN NHƯỢNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 51/2012/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Số Hợp đồng giao dịch/ Số xác nhận BĐS giao dịch qua sàn	Đất nền tại dự án nhà ở (tên dự án)/ Đất nền trong khu đô thị (tên khu đô thị)/ Đất nền trong khu phố, khu dân cư hiện hữu	Địa chỉ	Quận/ Huyện	Diện tích đất (m ²)	Đặc điểm	Thời điểm giao dịch thành công	Giá giao dịch thành công (triệu đồng)	Thuế chuyển nhượng BĐS	Ghi chú
1	12/HĐ hoặc 12/XNBĐS	Khu nhà ở biệt thự tại phường Thạnh Mỹ Lợi	số 123, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2	2	200	mặt tiền 6m, hạ tầng	18/12/2010	5.000	100	
2	13/HĐ hoặc 13/XNBĐS	Khu đô thị Nam Sài Gòn	số 456, đường Nguyễn Văn Linh, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh	Bình Chánh	100	mặt tiền 12m, hạ tầng ...	19/12/2010	2.000	40	
3	14/HĐ hoặc 14/XNBĐS	Khu nhà ở ABC	số 789, đường ABC, phường ABC, quận 2	2	80	mặt tiền 6m, hạ tầng ...	20/12/2010	1.800	36	
4	15/HĐ hoặc 15/XNBĐS	Nhà ở trong khu phố, khu dân cư hiện hữu	số 259, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường 8, quận 3	3	60	hẻm 4 m, hạ tầng ...	21/12/2010	1.500	30	
5										
6										

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 4: MẪU TỔNG HỢP SỐ LIỆU GIAO DỊCH VĂN PHÒNG CHO THUÊ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 51/2012/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Số Hợp đồng giao dịch/ Số xác nhận BĐS giao dịch qua sàn	Tên cao ốc Văn phòng	Địa chỉ	Quận/ Huyện	Hạng Văn phòng	Diện tích văn phòng (m ²)	Đặc điểm	Thời điểm giao dịch thành công	Giá thuê (đồng/m ² /tháng)	Ghi chú
1	12/HĐ hoặc 12/XNBDS	Saigon Center	số 123, đường Lê Lợi, phường Bến Nghé, quận 1	1	A	400	vị trí tầng, số lượng thang máy, chất lượng tòa nhà (được xây dựng năm nào), chỗ đậu xe, hạ tầng KT, đặc điểm yếu tố xã hội	18/12/2010	740.000 đồng/m ² /tháng	
2	13/HĐ hoặc 13/XNBDS	AB Tower	số 456, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường 3, quận 3	3	B	200		19/12/2010	400.000 đồng/m ² /tháng	
3	14/HĐ hoặc 14/XNBDS	Gilimex Building	số 789, đường Điện Biên Phủ, phường 23, quận Bình Thạnh	Bình Thạnh	C	150		20/12/2010	330.000 đồng/m ² /tháng	
4										
5										
6										

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2012/QĐ-UBND

*Bình Tân, ngày 05 tháng 11 năm 2012***QUYẾT ĐỊNH****Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của
Lực lượng Kiểm tra Liên ngành hoạt động văn hóa, thông tin
và phòng, chống tệ nạn xã hội quận Bình Tân****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đã được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 178/2004/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm;

Căn cứ Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng;

Căn cứ Chỉ thị số 17/2005/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh các hoạt động tiêu cực trong quán bar, nhà hàng karaoke, vũ trường;

Căn cứ Thông tư số 05/2006/TT-BLĐT BXH ngày 22 tháng 6 năm 2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thành lập và tổ chức hoạt động của Đội Kiểm tra liên ngành về phòng, chống tệ nạn mại dâm;

Căn cứ Quyết định số 39/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của

Lực lượng Kiểm tra Liên ngành hoạt động văn hóa, thông tin và phòng, chống tệ nạn xã hội Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin quận tại Công văn số 597/VHTT ngày 24 tháng 9 năm 2012 và đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ quận tại Tờ trình số 1074/TTr-NV ngày 29 tháng 10 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Lực lượng Kiểm tra Liên ngành hoạt động văn hóa, thông tin và phòng, chống tệ nạn xã hội quận Bình Tân (gọi tắt là Lực lượng Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 9238/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn Kiểm tra Liên ngành hoạt động văn hóa và phòng, chống tệ nạn xã hội quận Bình Tân.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin, Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, Trưởng Công an quận, Trưởng Phòng Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường và Lực lượng Kiểm tra Liên ngành hoạt động văn hóa, thông tin và phòng, chống tệ nạn xã hội quận, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Mười

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Lực lượng Kiểm tra Liên ngành hoạt động văn hóa, thông tin và phòng, chống tệ nạn xã hội quận Bình Tân (Gọi tắt là Lực lượng Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí - Vai trò

1. Lực lượng Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận Bình Tân được thành lập theo quy định của pháp luật để tiến hành kiểm tra, xác lập hành vi vi phạm trong các hoạt động văn hóa, kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng, thông tin truyền thông và phòng, chống tệ nạn mại dâm, ma túy, đánh bạc, phòng cháy chữa cháy và các hành vi vi phạm hành chính khác trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ văn hóa và phòng, chống tệ nạn xã hội trên địa bàn quận Bình Tân.

2. Lực lượng Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận Bình Tân là lực lượng phối hợp liên ngành làm việc theo chế độ kiêm nhiệm bao gồm các ngành và phòng ban thuộc quận: Văn hóa và Thông tin, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kinh tế, Tư pháp, Quản lý thị trường, Nội vụ, Công an, Y tế, Chi Cục Thuế, Thanh tra xây dựng, Phòng cháy và chữa cháy và phòng, ban, ngành có liên quan để kiểm tra, phát hiện và xác lập hồ sơ vi phạm pháp luật nhằm phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật trong các hoạt động văn hóa, kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng, thông tin truyền thông và phòng, chống tệ nạn xã hội (gọi tắt là hoạt động Văn hóa - Xã hội). Kịp thời chuyển hồ sơ vi phạm về cho Phòng Văn hóa và Thông tin quận để tham mưu hình thức xử lý trước khi trình cho Hội đồng xử lý các vụ vi phạm về lĩnh vực văn hóa - xã hội của quận xem xét, xử lý.

Lực lượng Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội tại quận bao gồm: Đội Kiểm

tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận, Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội phường.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân là thành viên hoặc có quyền và nghĩa vụ liên quan đến Lực lượng Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội trên địa bàn quận Bình Tân.

2. Đối tượng kiểm tra là các tổ chức, cá nhân được xác định cụ thể theo từng quyết định thành lập lực lượng kiểm tra trên địa bàn quận Bình Tân.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động

1. Lực lượng làm công tác Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận Bình Tân khi làm nhiệm vụ phải tuân theo quy định của pháp luật, đảm bảo chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời.

2. Lực lượng Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận có nhiệm vụ kiểm tra các hoạt động Văn hóa - Xã hội của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn quận Bình Tân theo nội dung của từng quyết định thành lập lực lượng kiểm tra.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 4. Nhiệm vụ của Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận và Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội phường

1. Thống kê, rà soát các cơ sở kinh doanh hoạt động văn hóa, thông tin truyền thông và các cơ sở hoạt động dễ phát sinh tệ nạn xã hội. Khảo sát nắm tình hình, xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa - xã hội theo đúng chức năng nhiệm vụ được quy định trong Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, phải đình chỉ ngay hành vi vi phạm, xác lập hồ sơ vi phạm đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan, kịp thời chuyển hồ sơ vụ việc vi phạm cho cơ quan hoặc người có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với những hành vi vi phạm có dấu hiệu hình sự, kịp thời báo cáo người có

thẩm quyền là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận (phụ trách Văn hóa - Xã hội) được ủy quyền xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực Văn hóa - Xã hội để chỉ đạo xử lý. Đối với Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường chỉ đạo xử lý theo thẩm quyền.

- Không tiếp nhận các vụ việc do các ngành khác kiểm tra chuyển sang Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận, Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội phường để lập biên bản vi phạm hành chính của Lực lượng Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội.

Điều 5. Quyền hạn của Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận, Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội phường

1. Đối với Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận

- Đề nghị các cơ quan chức năng, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền liên quan trên địa bàn quận phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ Lực lượng Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội thực hiện chức năng, nhiệm vụ và nội dung kiểm tra theo quyết định thành lập trong suốt quá trình kiểm tra. Cơ quan được yêu cầu phối hợp, hỗ trợ có nhiệm vụ đáp ứng yêu cầu của Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận.

- Yêu cầu tổ chức, cá nhân là đối tượng được kiểm tra phải chấp hành quyết định kiểm tra, xuất trình, cung cấp đầy đủ các giấy tờ, chứng từ, sổ sách theo đúng nội dung kiểm tra và hợp tác với Đội Kiểm tra trong suốt thời gian kiểm tra.

- Được lập biên bản kiểm tra, biên bản vi phạm hành chính theo đúng quy định pháp luật.

- Đối với việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được quyền yêu cầu Trưởng Công an phường nơi kiểm tra cử cán bộ đến phối hợp lập biên bản về việc tạm giữ tang vật, phương tiện và ra quyết định tạm giữ theo đúng quy định Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản có liên quan hoặc được áp dụng biện pháp niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm giao cho tổ chức cá nhân vi phạm bảo quản. Việc niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm phải ghi rõ tên, số lượng, chủng loại tang vật, phương tiện được tiến hành niêm phong trước mặt người vi phạm; nếu người vi phạm vắng mặt thì phải tiến hành niêm phong trước mặt đại diện gia đình, đại diện tổ chức, đại diện chính quyền và người chứng kiến.

- Đình chỉ hành vi vi phạm hành chính (nếu có) theo đúng quy định pháp luật.

- Trong trường hợp phát hiện tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm hình sự kịp thời báo cáo cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận (phụ trách Văn hóa - Xã hội) để

xử lý chuyển cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền thụ lý theo quy định của pháp luật.

2. Đối với Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội phường

- Đề nghị cơ quan chức năng, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền liên quan trên địa bàn phường phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội phường thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình trong suốt thời gian kiểm tra.

- Yêu cầu tổ chức, cá nhân là đối tượng được kiểm tra chấp hành quyết định kiểm tra, xuất trình, cung cấp đầy đủ các giấy tờ, chứng từ, sổ sách có liên quan đến nội dung kiểm tra và hợp tác với lực lượng kiểm tra trong suốt thời gian kiểm tra.

- Lập biên bản kiểm tra, biên bản vi phạm hành chính theo đúng Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.

- Yêu cầu Trưởng Công an phường cử cán bộ lập biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính theo đúng Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

- Khi phát hiện tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm hình sự thì kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường để xử lý theo thẩm quyền.

Chương III

CƠ CẤU, HOẠT ĐỘNG, THẨM QUYỀN THÀNH LẬP

Điều 6. Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận, Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội phường

1. Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận

a) Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định thành lập; Đội trưởng, Đội phó và các thành viên trong Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo đề nghị của Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin thông qua danh sách cử thành viên của các cơ quan đơn vị.

b) Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận có từ 01 đến 02 Đội, mỗi Đội gồm 01 Đội trưởng và 01 đến 02 Đội phó do Phòng Văn hóa và Thông tin hoặc Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội làm Đội trưởng. Các ngành và các phòng ban thuộc quận như: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Kinh tế, Phòng Tư pháp, Đội Quản lý thị trường, Phòng Nội vụ,

Công an quận, Phòng Y tế, Chi Cục Thuế, Thanh tra Xây dựng quận,... cử ít nhất 02 người tham gia làm thành viên mỗi Đội.

c) Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận thông qua Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin quận. Tùy theo tình hình yêu cầu thực tế tại quận về công tác kiểm tra, Ủy ban nhân dân quận có quyền điều chỉnh thành phần, số lượng các ngành, phòng ban tham gia Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận.

d) Thời gian hoạt động của Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận theo từng quyết định thành lập.

2. Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội phường

a) Trên cơ sở đặc điểm, tình hình quản lý địa bàn trong hoạt động văn hóa, kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng, thông tin truyền thông và phòng, chống tệ nạn xã hội, giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường quyết định thành lập Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội phường.

b) Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội phường do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường làm Tổ trưởng, có từ 01 đến 02 Tổ phó; tùy vào tình hình địa phương, cơ cấu các thành viên tham gia Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội phường do Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường quyết định. Cán bộ tham gia Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội phường không được tham mưu xử lý vi phạm hành chính. Thời gian hoạt động của Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội phường theo từng quyết định thành lập.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường trực tiếp chỉ đạo Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội phường.

Điều 7. Hoạt động của Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận và Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội phường

1. Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận và Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội phường làm việc theo cơ chế phối hợp do Đội trưởng, Tổ trưởng điều hành mọi hoạt động chung của Đội, Tổ; chịu trách nhiệm trước người ra quyết định thành lập, bổ nhiệm theo Điều 6 của Quy chế này.

2. Đội trưởng, Tổ trưởng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và chỉ đạo tổ chức thực hiện kiểm tra hoặc thực hiện kiểm tra khi có yêu cầu của Thành phố, Ủy ban nhân dân quận thông qua Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin được giao điều hành, giám sát Đội, Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội của quận, phường.

3. Đội phó, Tổ phó có trách nhiệm giúp Đội trưởng, Tổ trưởng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế này, theo nội dung kiểm tra theo từng quyết định thành lập và theo phân công của Đội trưởng, Tổ trưởng.

4. Các thành viên trong Đội, Tổ Kiểm tra chấp hành phân công của Đội trưởng, Tổ trưởng (hoặc Đội phó, Tổ phó), chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Đội trưởng, Tổ trưởng (hoặc Đội phó, Tổ phó) về những công việc đã được phân công theo chức năng, nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực mình đang công tác, đồng thời đề xuất nội dung, biện pháp kiểm tra trong lĩnh vực đơn vị mình phụ trách. Nghiêm cấm các thành viên Đội, Tổ Kiểm tra làm lộ thông tin kiểm tra, tiếp xúc với đối tượng được kiểm tra ngoài nơi làm việc.

5. Đội trưởng, Tổ trưởng thông báo lịch công tác cho các thành viên tham gia Đội, Tổ Kiểm tra, được triệu tập đột xuất khi cần thiết hoặc theo chỉ đạo của lãnh đạo. Thành viên được cử tham gia Đội, Tổ Kiểm tra khi vắng mặt phải có lý do chính đáng; các cơ quan, đơn vị có liên quan tạo điều kiện thuận lợi để thành viên tham gia Đội, Tổ kiểm tra. Phòng Nội vụ quận tham gia thành viên Đội Kiểm tra, theo dõi các thành viên tham gia công tác Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận, có báo cáo việc vắng mặt, thi đua khi kết thúc từng đợt kiểm tra theo quyết định thành lập.

6. Đội trưởng, Tổ trưởng có nhận xét kết quả công tác của từng thành viên tham gia theo từng quyết định thành lập thông qua Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin để báo cáo Ủy ban nhân dân quận và gửi về các đơn vị cử thành viên tham gia.

7. Đội, Tổ Kiểm tra do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường quyết định thành lập, chỉ đạo, điều hành, kiểm tra hoạt động. Phòng Nội vụ quận tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận cấp thẻ kiểm tra cho thành viên Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường thực hiện việc cấp thẻ kiểm tra cho thành viên Tổ kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội phường.

8. Khi tiến hành kiểm tra, Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận chỉ được thực hiện kiểm tra khi có Đội trưởng hoặc Đội phó và ít nhất thành viên của 04 phòng ban, trong đó phải có Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và Công an quận.

Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội phường chỉ được thực hiện kiểm tra khi có Tổ trưởng hoặc Tổ phó và ít nhất thành viên của 03 bộ phận trong đó phải có Văn hóa và Thông tin, Công an phường.

Đội, Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội phải xuất trình Quyết định thành lập Đội, Tổ Kiểm tra cho tổ chức, cá nhân là đối tượng thuộc diện bị kiểm tra biết để thực hiện trong suốt thời gian kiểm tra tại cơ sở.

9. Khi kết thúc buổi kiểm tra, phải tiến hành bàn giao biên bản vi phạm hành chính và hồ sơ kèm theo cho Bộ phận xử lý để thẩm định, đề xuất người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính ban hành quyết định xử phạt theo đúng quy định của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan. Giao Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin quận tham mưu Ủy ban nhân dân quận văn bản hướng dẫn Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận, Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội phường và các đơn vị có liên quan trong việc chuyển hồ sơ vi phạm để tham mưu hình thức xử lý theo quy định.

Chương IV

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 8. Mối quan hệ công tác và cơ chế phối hợp hoạt động

1. Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận

- Thực hiện nghiêm các chủ trương, quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân quận và sự chỉ đạo điều hành trực tiếp của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận (phụ trách văn hóa xã hội) và Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin quận.

- Phối hợp với các phòng ban chuyên môn của quận và Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội phường thực hiện các biện pháp rà soát, thống kê, phân loại đối tượng kiểm tra theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung của quận về tổ chức kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội (định kỳ, đột xuất) được Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận thông qua; báo cáo nhanh, đột xuất các vụ việc lớn, phức tạp và báo cáo kết quả xử lý trên địa bàn quận, báo cáo theo yêu cầu đột xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Có trách nhiệm hỗ trợ Đoàn Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội Thành phố khi có yêu cầu kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất; phối hợp và hỗ trợ Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội phường tiến hành kiểm tra những địa điểm phức tạp.

2. Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận có nhiệm vụ phối hợp với

các ban ngành, đoàn thể, các cơ quan liên quan trong việc thực hiện công tác kiểm tra, phòng ngừa, phát hiện, xác lập các vi phạm pháp luật nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kiểm tra đạt hiệu quả.

3. Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội phường xây dựng kế hoạch tổ chức kiểm tra liên ngành được Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường thông qua, có trách nhiệm hỗ trợ Đoàn Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội Thành phố, quận khi có yêu cầu kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất. Trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn, Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội phường có trách nhiệm phối hợp với ban ngành, đoàn thể, cơ quan liên quan trên địa bàn phường, quận trong việc thực hiện công tác kiểm tra, phòng ngừa, phát hiện, xác lập các vi phạm pháp luật nhằm quản lý địa bàn phường đạt hiệu quả.

4. Định kỳ hàng tháng, Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận, Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội phường họp rút kinh nghiệm, đề xuất các giải pháp tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hóa, kinh doanh dịch vụ văn hóa, thông tin truyền thông và phòng, chống tệ nạn xã hội. Giao Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin chủ trì, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân quận để xem xét, chỉ đạo.

5. Mọi kế hoạch, thông tin về công tác kiểm tra được bảo mật theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật của Nhà nước.

Chương V

KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH

Điều 9. Kinh phí hoạt động

Kinh phí hoạt động của công tác Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận do ngân sách quận cấp và các khoản thu nộp phạt đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa thông tin, truyền thông và phòng, chống tệ nạn xã hội.

Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin có trách nhiệm quản lý kinh phí, dự trù kinh phí thông qua Phòng Tài chính - Kế hoạch quận trình Ủy ban nhân dân quận phê duyệt (công tác phí, bồi dưỡng, phương tiện thực hiện nhiệm vụ trong quá trình kiểm tra) đối với Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận (Đội 1).

Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm quản lý kinh phí, dự trù kinh phí thông qua Phòng Tài chính - Kế hoạch quận trình Ủy ban nhân

dân quận phê duyệt (công tác phí, bồi dưỡng, phương tiện thực hiện nhiệm vụ trong quá trình kiểm tra) đối với Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận (Đội 2).

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường chịu trách nhiệm bố trí ngân sách, quản lý kinh phí và duyệt chi công tác phí, bồi dưỡng, phương tiện phục vụ trong quá trình kiểm tra nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động của Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội phường.

Khi cần thiết Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin tham mưu khen thưởng đột xuất cho Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận, Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội phường và những cá nhân có liên quan trong các hoạt động cao điểm.

Điều 10. Phụ cấp, phương tiện hoạt động

1. Chế độ phụ cấp

Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận, Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội phường được hưởng tiền làm thêm giờ, làm đêm được bồi dưỡng ăn đêm trong thời gian từ 20 giờ đến 04 giờ sáng hôm sau theo quy định hiện hành và theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

2. Phương tiện hoạt động

Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận, Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội phường được trang bị đầy đủ các phương tiện phục vụ cần thiết để thực hiện chức trách của mình; có trách nhiệm trong việc sử dụng và bảo quản tốt phương tiện được cấp: Giấy chứng nhận cho các thành viên Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận, Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội phường, công cụ hỗ trợ, máy quay phim, máy chụp hình, máy đo âm thanh, máy đo ánh sáng, dụng cụ đo nồng độ rượu, hỗ trợ hao mòn xe và văn phòng phẩm phục vụ cho công tác kiểm tra. Phòng Nội vụ quận tham mưu việc cấp thẻ kiểm tra; Công an quận tham mưu việc cấp công cụ hỗ trợ, dụng cụ đo nồng độ rượu; Phòng Văn hóa và Thông tin quận tham mưu việc cấp máy quay phim, máy chụp hình, máy đo âm thanh, máy đo ánh sáng. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận căn cứ tình hình thực tế quyết định cấp phương tiện cho Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận, Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội phường.

Chương VI

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 11. Chế độ khen thưởng

1. Khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và khen thưởng đột xuất cho tập thể, cá nhân có thành tích theo thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường.

2. Lực lượng Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội trong khi thi hành nhiệm vụ, nếu bị thiệt hại về tài sản, sức khỏe, tính mạng thì được hưởng chế độ trợ cấp, đền bù theo quy định của pháp luật và quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

Điều 12. Kỷ luật

Trong khi thi hành nhiệm vụ, nếu thành viên của Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận, Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội phường có hành vi vi phạm hoặc lạm dụng quyền hạn, vi phạm pháp luật thì Đội trưởng, Tổ trưởng có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và thông báo cho Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp thành viên đó biết. Tùy theo mức độ vi phạm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường có thẩm quyền thành lập Đội, Tổ xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan

1. Trách nhiệm của Phòng Văn hóa và Thông tin

Phòng Văn hóa và Thông tin là cơ quan Thường trực về công tác Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội có trách nhiệm:

a) Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận điều hành hoạt động của Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận, Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội phường. Chủ trì các cuộc họp giao ban định kỳ, đột xuất; tổng hợp và dự thảo báo cáo; xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động của Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận trình Ủy ban nhân dân quận phê duyệt.

b) Chủ động phối hợp với các ngành, phòng, ban có liên quan đề xuất nhân sự của Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận theo từng quyết định và đảm bảo bố trí đủ cán bộ theo quy định tại Quy chế của Ủy ban nhân dân Thành phố và Quy chế này.

c) Chủ trì phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch dự trù kinh phí hoạt động của Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận hàng năm và quyết toán kinh phí theo quy định.

d) Chịu trách nhiệm về những tệ nạn xã hội phát sinh trong hoạt động văn hóa, kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng.

2. Trách nhiệm của các ngành và Trưởng các phòng, ban có liên quan.

a) Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận có trách nhiệm dự trù kinh phí hoạt động của Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận (nếu có) hàng năm và quyết toán kinh phí theo quy định.

b) Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm về những phát sinh tệ nạn xã hội trong các lĩnh vực khác (trừ hoạt động văn hóa, kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng).

Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; Trưởng Phòng Kinh tế; Trưởng Phòng Tư pháp; Trưởng Phòng Nội vụ; Trưởng Phòng Y tế; Trưởng Công an quận; Đội trưởng Đội Quản lý thị trường; Chi Cục trưởng Chi Cục Thuế; Chánh Thanh tra Xây dựng quận có trách nhiệm cử cán bộ có phẩm chất đạo đức, năng lực tham gia Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội quận và tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ tham gia Đội hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Trưởng Phòng Nội vụ có trách nhiệm kiểm tra công vụ, cử cán bộ đủ phẩm chất đạo đức, năng lực tham gia Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội để giám sát, theo dõi báo cáo xét thi đua khen thưởng, kỷ luật.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm thành lập, đảm bảo về nhân sự và chế độ chính sách, kinh phí hoạt động của Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội phường; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận nếu để phát sinh tệ nạn xã hội, hoạt động kinh doanh Văn hóa - Xã hội trái pháp luật diễn ra trên địa bàn quản lý mà không kịp thời có kế hoạch, chỉ đạo giải quyết. Đây là nội dung quan trọng trong việc xét đánh giá thi đua hoàn thành nhiệm vụ hàng năm trong lĩnh vực Văn hóa - Xã hội, an ninh trật tự của phường.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các phòng, ban thuộc quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị mình quản lý có biện pháp tổ chức, phối hợp thực hiện nghiêm túc nội dung Quy chế của Ủy ban nhân dân Thành phố và Quy chế này.

2. Giao Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin quận trực tiếp theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế của Ủy ban nhân dân Thành phố và Quy chế này;

tổng hợp những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy chế để tham mưu Ủy ban nhân dân quận đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết.

3. Việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Quy chế này do Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin quận sau khi có tham khảo ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Mười

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2012/QĐ-UBND

*Bình Chánh, ngày 07 tháng 10 năm 2012***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử -
văn hóa được xếp hạng cấp Thành phố trên địa bàn huyện Bình Chánh****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Di sản văn hóa;

Căn cứ Quyết định số 1706/2001/QĐ-BVHTT, ngày 24 tháng 7 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa và Thông tin phê duyệt quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 39/2001/QĐ-BVHTT ngày 23 tháng 8 năm 2001 của Bộ Văn hóa - Thông tin về việc ban hành Quy chế tổ chức lễ hội;

Căn cứ Quyết định số 05/2003/QĐ-BVHTTDL ngày 06 tháng 02 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về ban hành Quy chế bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

Căn cứ Thông tư số 04/2011/TT-VHTTDL ngày 21 tháng 01 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin, tại Tờ trình số 97/TTr-VHTT ngày 14 tháng 9 năm 2012; Báo cáo thẩm định số 526/BC-TP ngày 18 tháng 10 năm 2012 của Phòng Tư pháp và Tờ trình số 636/TTr-NV ngày 26 tháng 10 năm 2012 của Trưởng Phòng Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng cấp Thành phố trên địa bàn huyện Bình Chánh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày, kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Huyện, Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Trọng Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa
được xếp hạng cấp Thành phố trên địa bàn huyện Bình Chánh**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 11/2012/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích của hoạt động Quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng cấp Thành phố trên địa bàn huyện Bình Chánh

1. Bảo vệ các di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng cấp Thành phố (sau đây gọi là di tích) trước những tác động xấu của môi trường thiên nhiên và môi trường xã hội.
2. Bảo đảm giữ gìn tối đa các yếu tố nguyên gốc và các giá trị chân xác của di tích về các mặt: vị trí, cấu trúc, chất liệu, kỹ thuật truyền thống, chức năng, nội thất, ngoại thất, cảnh quan liên quan và các yếu tố khác của di tích, nhằm bảo vệ và phát huy các giá trị của di tích.
3. Bảo đảm sự hài hòa giữa di tích với môi trường cảnh quan xung quanh.

Điều 2. Đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng

1. Bao gồm các di tích lịch sử - văn hóa, di tích kiến trúc nghệ thuật đã được Ủy ban nhân dân Thành phố xếp hạng di tích cấp Thành phố và những di tích đã có Quyết định đưa vào danh mục bảo tồn trên địa bàn huyện Bình Chánh.
2. Quy chế này quy định về hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị của các di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng cấp Thành phố trong phạm vi địa giới hành chính Huyện, quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Huyện, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và Ủy ban nhân dân xã, thị trấn đối với hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị của các di tích lịch sử - văn hóa.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý

1. Nhà nước thống nhất quản lý di sản văn hóa thuộc sở hữu toàn dân, công nhận và bảo vệ các hình thức sở hữu tập thể, sở hữu chung của cộng đồng, sở hữu cá nhân và các hình thức sở hữu khác theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân Huyện thực hiện quyền quản lý Nhà nước đối với các di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn Huyện theo sự phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Hoạt động của các di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn Huyện phải chấp hành nghiêm túc đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Chương II

NHỮNG QUI ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Phòng Văn hóa và Thông tin

1. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân Huyện thực hiện việc quản lý Nhà nước đối với các di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn Huyện;

2. Phổ biến những chủ trương, chính sách của Nhà nước, các quy định của ngành về hoạt động tín ngưỡng, hướng dẫn các di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn Huyện xây dựng nếp sống văn minh, thực hiện đúng các quy định của pháp luật;

3. Hướng dẫn các Ban Quản lý di tích lịch sử - văn hóa làm tốt nhiệm vụ giữ gìn các cổ vật, bảo quản và tu bổ di tích theo quy định;

4. Kết hợp với Ban tổ chức lễ hội của các cơ sở tín ngưỡng dân gian hỗ trợ, tạo điều kiện giúp đỡ để thực hiện tốt lễ hội;

5. Kiểm tra, đề xuất xử lý vi phạm hành chính đối với những cơ sở tín ngưỡng dân gian không chấp hành các quy định của Nhà nước trên lĩnh vực văn hóa và tổ chức lễ hội;

6. Phối hợp, hỗ trợ Ủy ban nhân dân xã, thị trấn về nghiệp vụ chuyên môn, giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động của các cơ sở tín ngưỡng;

7. Phối hợp Phòng Nội vụ và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Huyện, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn hướng dẫn các cơ sở tín ngưỡng dân gian và các di tích lịch sử - văn hóa về nội dung và nhân sự cho Hội nghị bầu Ban Quý tế; xem xét bổ sung, trình Ủy ban nhân dân Huyện quyết định công nhận kết quả bầu cử tổ chức trực tiếp quản lý cơ sở tín ngưỡng. Xây dựng Quy ước hoạt động cho các cơ sở tín ngưỡng dân gian, di tích lịch sử - văn hóa và trình Ủy ban nhân dân Huyện ban hành Quyết định công nhận.

Điều 5. Phòng Nội vụ

Phối hợp Phòng Văn hóa và Thông tin, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Huyện hướng dẫn, giúp đỡ, tạo điều kiện để các di tích lịch sử - văn hóa, di tích kiến trúc nghệ thuật đã được Ủy ban nhân dân Thành phố xếp hạng di tích cấp Thành phố và những di tích đã có Quyết định đưa vào danh mục bảo tồn trên địa bàn Huyện thực hiện đúng theo quy định của Luật Di sản văn hóa.

Điều 6. Ủy ban nhân dân xã, thị trấn

1. Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thực hiện việc quản lý Nhà nước đối với các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn, được Ủy ban nhân dân Huyện ủy quyền ra Quyết định công nhận Ban Quý tế tại các cơ sở tín ngưỡng không đủ điều kiện xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, sau khi đã tham khảo ý kiến của Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Nội vụ và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Huyện;

2. Phối hợp với các cơ quan chức năng của Huyện hướng dẫn các cơ sở tín ngưỡng; giải quyết những kiến nghị và những vấn đề phát sinh từ cơ sở tín ngưỡng trong phạm vi thẩm quyền của mình; báo cáo với Ủy ban nhân dân Huyện biện pháp và kết quả giải quyết;

3. Có trách nhiệm hỗ trợ việc giữ gìn an ninh trật tự, cảnh quan nơi cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn các xã, thị trấn quản lý khi có yêu cầu.

Điều 7. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Huyện

1. Phối hợp Ủy ban nhân dân Huyện, xã, thị trấn và các cơ sở tín ngưỡng thực hiện đúng chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

2. Phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Nội vụ, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động của các cơ sở tín ngưỡng;

3. Phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Nội vụ, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn hướng dẫn về nội dung và nhân sự cho Hội nghị bầu Ban Quý tế ở các cơ sở tín ngưỡng dân gian, di tích lịch sử - văn hóa.

Chương III**TỔ CHỨC THỰC HIỆN, KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM****Điều 8. Trách nhiệm triển khai thực hiện**

1. Giao Phòng Văn hóa và Thông tin chủ trì, phối hợp Phòng Nội vụ, Ủy ban

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Bình Chánh, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn xây dựng kế hoạch triển khai nội dung Quy chế này đến tất cả các cơ sở tín ngưỡng dân gian, di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn. Đồng thời theo dõi, tổng hợp tình hình và tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân Huyện chỉ đạo kịp thời các hoạt động trên lĩnh vực này.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Huyện, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn minh trong sinh hoạt tín ngưỡng, góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam, chấp hành đúng quy định pháp luật.

3. Quy chế được phổ biến trong các di tích lịch sử - văn hóa, di tích kiến trúc nghệ thuật đã được Ủy ban nhân dân Thành phố xếp hạng di tích cấp Thành phố và những di tích đã có Quyết định đưa vào danh mục bảo tồn trên địa bàn huyện Bình Chánh.

Điều 9. Khen thưởng

1. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ và phát huy giá trị di tích theo chủ trương xã hội hóa hoạt động văn hóa.

2. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong bảo vệ và phát huy giá trị di tích được khen thưởng theo quy định.

Điều 10. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về di sản văn hóa hoặc vi phạm các quy định của pháp luật có liên quan, thì tùy thuộc mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Trọng Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2012/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 12 tháng 11 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Lực lượng
Kiểm tra Liên ngành hoạt động văn hóa, thông tin
và phòng, chống tệ nạn xã hội huyện Cần Giờ****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 178/2004/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm;

Căn cứ Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng;

Căn cứ Chỉ thị số 17/2005/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh các hoạt động tiêu cực trong quán bar, nhà hàng karaoke, vũ trường;

Căn cứ Thông tư số 05/2006/TT-BLĐT BXH ngày 22 tháng 6 năm 2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thành lập và tổ chức hoạt động của Đội Kiểm tra liên ngành về phòng, chống tệ nạn mại dâm;

Căn cứ Chỉ thị số 13/2012/CT-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về tăng cường quản lý nhà nước đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ phát sinh tệ nạn xã hội trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 39/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Lực lượng Kiểm tra Liên ngành hoạt động văn hóa, thông tin và phòng, chống tệ nạn xã hội thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin huyện tại Công văn số 119/VH-TT ngày 10 tháng 10 năm 2012 về việc đề nghị ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Lực lượng Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Lực lượng Kiểm tra Liên ngành hoạt động văn hóa, thông tin và phòng, chống tệ nạn xã hội huyện Cần Giờ (gọi tắt là Lực lượng Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin, Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng Công an huyện, Trưởng Phòng Tư pháp, Trưởng Phòng Kinh tế, Trưởng Phòng Y tế, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Chi Cục trưởng Chi Cục Thuế huyện, Đội trưởng Đội Quản lý thị trường huyện, Trưởng Phòng Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy huyện, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và Lực lượng Kiểm tra Liên ngành hoạt động văn hóa, thông tin và phòng, chống tệ nạn xã hội huyện, các tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Văn Thanh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Lực lượng Kiểm tra Liên ngành hoạt động văn hóa, thông tin và phòng, chống tệ nạn xã hội huyện Cần Giờ (Gọi tắt là Lực lượng Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2012/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân huyện)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí - vai trò

1. Lực lượng Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội huyện Cần Giờ được thành lập theo quy định của pháp luật để tiến hành kiểm tra, xác lập hành vi vi phạm pháp luật trong các hoạt động văn hóa, kinh doanh dịch vụ văn hóa, thông tin truyền thông và phòng, chống tệ nạn mại dâm, ma túy, đánh bạc, phòng cháy, chữa cháy và các hành vi vi phạm hành chính khác trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ văn hóa và phòng, chống tệ nạn xã hội.

2. Lực lượng Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội là lực lượng phối hợp liên ngành làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, hoạt động theo quy định của pháp luật bao gồm các ngành Văn hóa và Thông tin; Lao động - Thương binh và Xã hội; Y tế; Thuế; Quản lý thị trường; Kinh tế, Công an, Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy và các ngành liên quan để kiểm tra, phát hiện và xác lập hồ sơ vi phạm pháp luật nhằm phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật trong các hoạt động văn hóa, kinh doanh dịch vụ văn hóa, thông tin truyền thông và phòng, chống tệ nạn xã hội (Gọi tắt là hoạt động Văn hóa - Xã hội); Kịp thời chuyển hồ sơ vi phạm về cho Phòng Văn hóa và Thông tin huyện (đối với Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội huyện, Tổ Kiểm tra Văn hóa - Xã hội xã, thị trấn) để tham mưu hình thức xử lý trước khi trình cho Hội đồng xử lý các vụ vi phạm về lĩnh vực văn hóa - xã hội của huyện xem xét, xử lý.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân là thành viên hoặc có quyền và nghĩa vụ liên quan đến Lực lượng Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội trên địa bàn huyện Cần Giờ.

2. Đối tượng kiểm tra là các tổ chức, cá nhân được xác định cụ thể theo từng quyết định thành lập lực lượng kiểm tra trên địa bàn huyện Cần Giờ.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động

1. Lực lượng làm công tác Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội khi làm nhiệm vụ phải tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật; đảm bảo chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời.

2. Lực lượng Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội có nhiệm vụ kiểm tra các hoạt động văn hóa - xã hội của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện Cần Giờ theo nội dung của quyết định thành lập lực lượng kiểm tra.

**Chương II
NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN****Điều 4. Nhiệm vụ của Lực lượng Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội**

1. Khảo sát nắm tình hình, xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa - xã hội theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định trong Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, phải đình chỉ ngay hành vi vi phạm, xác lập hồ sơ vi phạm đối với tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật theo đúng quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan, kịp thời chuyển hồ sơ vụ việc vi phạm cho cơ quan hoặc người có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền hạn Lực lượng Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội

1. Đề nghị cơ quan chức năng, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền liên quan trên địa bàn phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ Lực lượng Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình trong suốt quá trình kiểm tra.

2. Yêu cầu tổ chức, cá nhân thuộc diện bị kiểm tra chấp hành quyết định kiểm tra, xuất trình, cung cấp đầy đủ các giấy tờ liên quan theo đúng nội dung kiểm tra và hợp tác với lực lượng kiểm tra trong suốt thời gian kiểm tra.

3. Lập Biên bản kiểm tra, Biên bản vi phạm hành chính, Biên bản tạm giữ tang vật, Quyết định tạm giữ tang vật, niêm phong tang vật và đình chỉ hành vi vi phạm hành chính (nếu có) theo đúng Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản có liên quan.

4. Trường hợp khi phát hiện tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm hình sự thì kịp thời xác lập hồ sơ vụ việc vi phạm chuyển cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền thụ lý theo đúng quy định của pháp luật.

Chương III **CƠ CẤU, HOẠT ĐỘNG**

Điều 6. Lực lượng Kiểm tra Liên ngành các cấp

1. Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội huyện:

1.1. Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định thành lập; Đội trưởng, Đội phó và các thành viên trong Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định theo đề nghị của Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin huyện. Thời hạn hoạt động của Đội Kiểm tra theo từng quyết định thành lập.

1.2. Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội huyện có 01 Đội trưởng và 01 đến 02 Đội phó do Phòng Văn hóa và Thông tin làm Đội trưởng. Các ngành và các phòng, ban thuộc huyện (Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Kinh tế, Phòng Tư pháp, Đội Quản lý thị trường, Công an huyện, Phòng Y tế, Chi Cục Thuế, Phòng Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy...) cử ít nhất từ 01 đến 02 người tham gia làm thành viên.

1.3. Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội huyện chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện thông qua Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin.

2. Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội các xã, thị trấn:

Căn cứ vào Quy chế này và điều kiện thực tế tại địa phương cho phép Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn quyết định thành lập Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội các xã, thị trấn để kiểm tra, ngăn ngừa và phòng, chống tệ nạn xã hội trên địa bàn các xã, thị trấn theo thẩm quyền quản lý địa phương.

Điều 7. Hoạt động của Lực lượng Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội

1. Lực lượng Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội làm việc theo cơ chế phối hợp do Đội trưởng, Tổ trưởng điều hành mọi hoạt động chung của Đội, Tổ.

1.1. Đội trưởng, Tổ trưởng có quyền tổ chức thực hiện kiểm tra, xác lập hồ sơ vi phạm đối với cá nhân, tổ chức theo đúng nội dung Quyết định thành lập Đội, Tổ theo Khoản 2, Điều 3, Chương I và Chương II của Quy chế này. Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp trong quá trình kiểm tra, xác lập hồ sơ vi phạm theo quy định của pháp luật, đồng thời chịu trách nhiệm trước người có thẩm quyền bổ nhiệm được quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

1.2. Đội trưởng, Tổ trưởng thông báo lịch công tác cho các thành viên tham gia Đội, Tổ trước 01 ngày hoặc đột xuất (khi cần thiết hoặc theo chỉ đạo của lãnh đạo) và nhận xét về kết quả công tác của từng thành viên tham gia theo từng Quyết định thành lập Đội, Tổ hoặc khi có yêu cầu của các đơn vị có liên quan.

1.3. Đội phó, Tổ phó có trách nhiệm giúp Đội trưởng, Tổ trưởng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Quy chế này và thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Đội trưởng, Tổ trưởng.

1.4. Các thành viên trong Đội, Tổ chấp hành sự phân công của Đội trưởng, Tổ trưởng (hoặc Đội phó, Tổ phó), chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Đội trưởng, Tổ trưởng (hoặc Đội phó, Tổ phó) về những công việc đã được phân công theo chức năng, nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực mình đang công tác, đồng thời đề xuất nội dung, biện pháp kiểm tra trong lĩnh vực đơn vị mình phụ trách.

2. Lực lượng Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền thành lập chỉ đạo, điều hành, kiểm tra hoạt động của Đội, Tổ và thực hiện cấp thẻ kiểm tra cho thành viên trong Đội, Tổ.

3. Quy định khi tiến hành kiểm tra.

3.1. Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội huyện chỉ được tiến hành kiểm tra khi có Đội trưởng hoặc Đội phó và ít nhất thành viên của 04 Phòng - ban, trong đó phải có Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và Công an huyện.

3.2. Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội xã, thị trấn chỉ được tiến hành kiểm tra khi có Tổ trưởng hoặc Tổ phó và ít nhất thành viên của 03 bộ phận, trong đó phải có văn hóa - thông tin và Công an các xã, thị trấn.

3.3. Khi tiến hành kiểm tra, các lực lượng Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội phải xuất trình Quyết định thành lập Đoàn Kiểm tra cho tổ chức, cá nhân thuộc diện bị kiểm tra biết để thực hiện trong suốt thời gian kiểm tra tại cơ sở.

Chương IV

MỐI QUAN HỆ VÀ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 8. Mối quan hệ công tác và cơ chế phối hợp hoạt động

1. Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội huyện:

1.1. Xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung của huyện và các xã, thị trấn, kế hoạch tổ chức kiểm tra liên ngành (định kỳ, đột xuất) được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện thông qua; đồng thời báo cáo nhanh các vụ việc lớn, phức tạp và kết quả xử lý trên địa bàn huyện hoặc báo cáo theo yêu cầu đột xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân thành phố.

1.2. Có trách nhiệm hỗ trợ Đoàn Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội thành phố khi có yêu cầu kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất.

1.3. Trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình, Lực lượng Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội huyện có trách nhiệm phối hợp với ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, các cơ quan liên quan trong việc thực hiện công tác kiểm tra, phòng ngừa, phát hiện, xác lập các hành vi vi phạm pháp luật.

2. Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội xã, thị trấn:

2.1. Xây dựng kế hoạch tổ chức kiểm tra liên ngành (định kỳ, đột xuất) được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thông qua; đồng thời báo cáo nhanh các vụ việc lớn, phức tạp và kết quả xử lý trên địa bàn xã, thị trấn hoặc báo cáo theo yêu cầu đột xuất của Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân thành phố.

2.2. Có trách nhiệm hỗ trợ Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội huyện khi có yêu cầu kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất.

Điều 9. Kinh phí hoạt động

Kinh phí hoạt động của công tác Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội huyện, xã, thị trấn (nếu có) do ngân sách huyện, xã, thị trấn cấp từ ngân sách địa phương và các khoản thu nộp phạt đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa - xã hội trên địa bàn địa phương quản lý.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm bố trí ngân sách, quản lý kinh phí và duyệt chi công tác phí, bồi dưỡng, phương tiện phục vụ, trong quá trình kiểm tra nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt

động của Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội huyện, Tổ Kiểm tra Văn hóa - Xã hội xã, thị trấn.

Điều 10. Phụ cấp, phương tiện hoạt động

1. Chế độ phụ cấp:

Lực lượng Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội các cấp được hưởng tiền làm thêm giờ, làm đêm; được bồi dưỡng ăn đêm nếu làm việc trong thời gian từ 20 giờ đến 04 giờ sáng hôm sau theo quy định hiện hành.

2. Phương tiện hoạt động:

Lực lượng Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội huyện được trang bị đầy đủ các phương tiện phục vụ cần thiết để thực hiện chức trách của mình; có trách nhiệm trong việc sử dụng và bảo quản tốt phương tiện được cấp; Cấp Giấy chứng nhận cho các thành viên đoàn kiểm tra, công cụ hỗ trợ, máy quay phim, máy chụp hình, máy ghi âm, máy đo âm thanh, máy đo ánh sáng, dụng cụ đo nồng độ rượu, hỗ trợ hao mòn xe và văn phòng phẩm phục vụ cho công tác kiểm tra.

Chương V

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 11. Chế độ khen thưởng

1. Khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và khen thưởng đột xuất cho tập thể, cá nhân có thành tích theo thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và xã, thị trấn (nếu có).

2. Lực lượng Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội trong khi thi hành nhiệm vụ, nếu bị thiệt hại về tài sản, sức khỏe, tính mạng thì được hưởng chế độ trợ cấp, đền bù theo quy định của pháp luật và Quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp.

Điều 12. Kỷ luật

Trong khi thi hành nhiệm vụ, nếu thành viên của Lực lượng Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội các cấp có hành vi vi phạm hoặc lạm dụng quyền hạn, vi phạm pháp luật thì Đội trưởng, Tổ trưởng hoặc Thường trực Hội đồng xử lý các vụ vi phạm hành chính về văn hóa - xã hội các cấp có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp thành viên đó biết và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền thành lập Đội, Tổ kiểm tra xem xét, tùy theo mức độ vi phạm mà xử lý kỷ luật. Việc xử lý hành vi vi phạm được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan

1. Trách nhiệm của Phòng Văn hóa và Thông tin:

1.1. Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện điều hành hoạt động của Lực lượng Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội huyện, xã, thị trấn. Chủ trì các cuộc họp giao ban định kỳ, đột xuất; tổng hợp và dự thảo báo cáo, xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động của Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội huyện trình Ủy ban nhân dân huyện.

1.2. Chủ động phối hợp với các ban - ngành liên quan đề xuất nhân sự của Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội huyện theo từng quyết định và đảm bảo bố trí đủ cán bộ theo quy định tại Quy chế này.

1.3. Chủ trì, phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch dự trù kinh phí hoạt động của Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội huyện hàng năm và quyết toán kinh phí theo quy định.

2. Trách nhiệm của Thủ trưởng các ban - ngành liên quan:

Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin, Trưởng Phòng Kinh tế, Trưởng Phòng Tư pháp, Đội trưởng Đội Quản lý thị trường huyện, Trưởng Công an huyện, Trưởng Phòng Y tế, Chi Cục trưởng Chi Cục Thuế, Trưởng Phòng Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy có trách nhiệm cử cán bộ có đủ phẩm chất đạo đức, năng lực tham gia Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội huyện và tạo mọi điều kiện thuận lợi để cán bộ tham gia Đội kiểm tra hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:

3.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn có trách nhiệm thành lập, bảo đảm về nhân sự và chế độ, chính sách, kinh phí hoạt động của Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội thực hiện đúng quy định của Quy chế này.

3.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân huyện nếu để phát sinh tệ nạn xã hội, hoạt động kinh doanh văn hóa - xã hội trái pháp luật diễn ra trên địa phương mình mà không kịp thời có kế hoạch, chỉ đạo giải quyết. Đây là nội dung quan trọng trong việc xét đánh giá thi đua hoàn thành nhiệm vụ hàng năm trong lĩnh vực văn hóa - xã hội, an ninh trật tự của địa phương.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị mình quản lý có biện pháp tổ chức, phối hợp thực hiện nghiêm túc nội dung Quy chế này.

2. Giao Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin trực tiếp theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế và tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy chế để tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân huyện xem xét, giải quyết.

3. Việc bổ sung, sửa đổi, điều chỉnh Quy chế do Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin sau khi có tham khảo ý kiến các cơ quan, ban, ngành chức năng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Văn Thanh

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5852/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 11 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Về phê duyệt “Chương trình xây dựng Hệ thống thông tin
chuyên ngành”**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2012, Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 27/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Chương trình phát triển Công nghệ Thông tin - Truyền thông giai đoạn 2011 - 2015;

Xét đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 14/TTr-STTTT ngày 25 tháng 10 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Chương trình xây dựng Hệ thống thông tin chuyên ngành”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Mạnh Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH

Xây dựng Hệ thống thông tin chuyên ngành

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5852/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

A. CHỦ TRƯỞNG

Xây dựng chương trình hành động cụ thể cho việc triển khai hệ thống thông tin chuyên ngành, thực hiện Quyết định số 27/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Chương trình phát triển công nghệ thông tin - truyền thông giai đoạn 2011 - 2015:

Phát triển và hoàn thiện các hệ thống thông tin, các cơ sở dữ liệu lớn, trước hết tập trung xây dựng các cơ sở dữ liệu của Thành phố Hồ Chí Minh về con người, tài nguyên và môi trường, tài chính, kinh tế, công nghiệp và thương mại. Đảm bảo tính cấu trúc, tính hệ thống và tạo môi trường làm việc điện tử rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước, làm cơ sở cho việc ứng dụng công nghệ thông tin quản lý các nguồn lực phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và góp phần vào phát triển đất nước nói chung;

Nội dung thông tin tích hợp và khai thác phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Đảng, Nhà nước; đáp ứng yêu cầu cung cấp, trao đổi thông tin của xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, chủ quyền quốc gia về không gian mạng.

B. MỤC TIÊU

Những mục tiêu cần đạt được vào năm 2015:

- 100% các hệ thống cơ sở dữ liệu hình thành từ quá trình tác nghiệp tại các sở - ban - ngành, quận - huyện được tập trung về Trung tâm dữ liệu đặt tại Công viên phần mềm Quang Trung;

- 50% cơ sở dữ liệu được tiến hành tích hợp, chuẩn hóa, phân tích, hoạch định nghiệp vụ, mô hình hóa và dự báo kết quả phục vụ hỗ trợ ra quyết định cho lãnh đạo

thành phố, lãnh đạo các cấp sở - ban - ngành, quận - huyện nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội của thành phố;

- Xây dựng Trung tâm lưu trữ thông tin thành phố với chức năng quản lý, bảo dưỡng các cơ sở dữ liệu của thành phố được tích hợp từ các hệ thống thông tin nền; đảm nhận vai trò là nơi lưu trữ dữ liệu dự phòng cho toàn thành phố trong trường hợp hệ thống thông tin tại các sở - ban - ngành, quận - huyện gặp sự cố và Trung tâm nghiên cứu phân tích thông tin để nghiên cứu, phân tích, nhận xét,... và hướng đến dự báo để có thể tăng thêm giá trị khai thác, phục vụ tham mưu cho lãnh đạo thành phố.

- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của trung tâm nghiên cứu phân tích thông tin thành phố nhằm đáp ứng yêu cầu chuyên môn cao trong công tác quản lý, cung cấp thông tin tổng hợp, thống kê, báo biểu, định hướng, dự báo, quy hoạch, hỗ trợ ra quyết định của lãnh đạo thành phố các cấp.

C. GIẢI PHÁP

I. Tập trung các cơ sở dữ liệu về Trung tâm dữ liệu của thành phố

1. Nhiệm vụ

- Xây dựng các cơ chế chuyển đổi dữ liệu từ các sở - ban - ngành, quận - huyện về Trung tâm dữ liệu đặt tại Công viên phần mềm Quang Trung;

- Xây dựng hệ thống phần mềm tích hợp (Middleware) kết nối các hệ thống phần mềm phân tán tại các quận - huyện để hình thành cơ sở dữ liệu tại các sở chuyên ngành đặt tại Trung tâm dữ liệu thành phố;

- Triển khai và nâng cấp hệ thống hạ tầng dùng chung: hệ thống định danh (AD), hệ thống chứng thực chữ ký số (CA), hạ tầng phần cứng và hệ thống mạng đô thị băng thông rộng (Metronet) của toàn thành phố (các nội dung của nhiệm vụ này sẽ thực hiện trong chương trình xây dựng và triển khai an toàn, an ninh thông tin trong cơ quan quản lý nhà nước).

2. Nội dung

a) Đề án hệ thống thông tin Văn hóa - Xã hội

- Nội dung thực hiện:

Tích hợp và khai thác Hệ thống thông tin về Dân cư bao gồm: Hệ thống thông tin Hộ tịch, Hệ thống thông tin Nhân khẩu - Hộ khẩu và Nhân khẩu đặc biệt, Bảo hiểm; Y tế; Giáo dục - Đào tạo; Cung và Cầu lao động; Tư pháp và Hệ thống thông tin về Văn hóa (Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

Danh mục các dự án:

- + Dự án Xây dựng Hệ thống thông tin Hộ tịch;
 - + Dự án Xây dựng Hệ thống thông tin Giáo dục;
 - + Dự án Xây dựng Hệ thống thông tin Lao động việc làm;
 - + Dự án Xây dựng Hệ thống thông tin Y tế;
 - + Dự án Xây dựng Hệ thống thông tin Khiếu nại - Tố cáo;
 - + Dự án Xây dựng Hệ thống thông tin Tư pháp;
 - + Dự án Xây dựng Hệ thống thông tin Cán bộ, công chức;
 - + Dự án Xây dựng Hệ thống thông tin Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Tổ chức thực hiện:

Chủ đầu tư các dự án thành phần trên là các Sở chuyên ngành quản lý các hệ thống thông tin: Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Viện Kiểm sát thành phố, Tòa án thành phố, Công an thành phố, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ban Dân tộc, Ban Chỉ đạo xóa đói giảm nghèo, Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài, Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố, Hội Nông dân thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Ban Tôn giáo, Liên đoàn Lao động thành phố, Hội Cựu chiến binh TP.HCM.

Thời gian thực hiện: từ quý 4 năm 2012 đến năm 2015.

b) Đề án hệ thống thông tin Kinh tế

- Nội dung thực hiện:

Tích hợp và khai thác hệ thống thông tin về Doanh nghiệp, Logistics, Thuế, Hải quan, Thị trường, Tài chính và Mạng thông tin kinh tế.

Danh mục các dự án:

- + Dự án Xây dựng Hệ thống thông tin Doanh nghiệp;
- + Dự án Xây dựng Hệ thống thông tin Tài chính: xây dựng các hệ thống thông tin thành phần (hệ thống thông tin quản lý mua sắm công, hệ thống thông tin quản lý đấu thầu trực tuyến việc mua sắm công,...);
- + Dự án Xây dựng Hệ thống thông tin Logistics;
- + Dự án Xây dựng Mạng thông tin kinh tế: dự án tích hợp và khai thác các hệ thống thông tin thành phần từ các dự án trên.

- Tổ chức thực hiện:

Chủ đầu tư các dự án thành phần trên là các Sở chuyên ngành quản lý các hệ thống thông tin: Cục Thống kê, Cục Thuế thành phố, Cục Hải quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Viện Nghiên cứu phát triển, Ban Quản lý các Khu chế xuất - Khu công nghiệp, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Liên minh Hợp tác xã, Kho bạc Nhà nước thành phố, Công an thành phố...

Thời gian thực hiện: từ quý 4 năm 2012 đến năm 2015.

c) Đề án hệ thống thông tin Quản lý đô thị

- Nội dung thực hiện:

Tích hợp và khai thác hệ thống thông tin về Đất đai - Xây dựng; Hạ tầng ngầm (viễn thông, cấp nước, thoát nước, chiếu sáng,...); Quy hoạch, Môi trường, Giao thông vận tải,..

Danh mục các dự án:

- + Dự án Xây dựng Hệ thống thông tin Đất đai - Xây dựng;
- + Dự án Xây dựng Hệ thống thông tin Hạ tầng Viễn thông;
- + Dự án Xây dựng Hệ thống thông tin Quy hoạch;
- + Dự án Xây dựng Hệ thống thông tin Môi trường;
- + Dự án Xây dựng Hệ thống thông tin Quản lý đô thị;
- + Dự án Xây dựng Hệ thống thông tin Biến đổi khí hậu;
- + Dự án Xây dựng Hệ thống thông tin Giao thông vận tải.

- Tổ chức thực hiện:

Chủ đầu tư các dự án thành phần trên là các Sở chuyên ngành quản lý các hệ thống thông tin: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Giao thông vận tải, Viện Nghiên cứu phát triển, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố, Ban Quản lý đầu tư - Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm; Ban Quản lý khu Nam; Ban Quản lý Tây Bắc...

Thời gian thực hiện: từ quý 4 năm 2012 đến năm 2015.

d) Đề án hệ thống thông tin Khoa học công nghệ

- Nội dung thực hiện:

Tích hợp và khai thác Hệ thống thông tin Khoa học và Công nghệ (thông tin về đề tài khoa học và nguồn nhân lực).

Danh mục dự án: Dự án Xây dựng Hệ thống thông tin Khoa học công nghệ.

- Tổ chức thực hiện:

Chủ đầu tư các dự án thành phần trên là các Sở chuyên ngành quản lý các hệ thống thông tin: Sở Khoa học và Công nghệ, Viện Nghiên cứu phát triển thành phố, các Trường, Viện, Liên Hiệp hội...

Thời gian thực hiện: từ quý 4 năm 2012 đến năm 2015.

II. Khai thác hệ thống dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu thành phố

1. Nhiệm vụ

- Xây dựng cơ chế, quy định trong việc phân quyền khai thác sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu giữa các sở - ban - ngành, quận - huyện;

- Xây dựng và triển khai kiến trúc tích hợp các hệ thống thông tin của thành phố hình thành kho dữ liệu thô dần tiến đến việc khai thác và kết xuất dữ liệu báo cáo phục vụ hỗ trợ lãnh đạo thành phố các cấp định hướng, ra quyết định.

2. Nội dung

a) Nội dung thực hiện:

- Xây dựng phần mềm khai thác thông tin thông minh (BI);

- Chuyên gia khảo sát, phân tích cơ sở dữ liệu tích hợp giữa các hệ thống thông tin với nhau hình thành các chuẩn báo cáo và dự báo phát triển ngành trong các năm theo chỉ tiêu cụ thể.

b) Danh mục các dự án:

- Dự án Xây dựng kiến trúc hệ thống thông tin khung: kiến trúc, các chuẩn, tiêu chí cho việc liên thông kết nối và tích hợp;

- Dự án Mua sắm lõi tích hợp khung;

- Dự án xây dựng Phát triển, hiệu chỉnh phần mềm tích hợp và khai thác 15 hệ thống thông tin cơ bản.

c) Tổ chức thực hiện:

- Chủ đầu tư 3 dự án thành phần trên: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Đơn vị thực hiện: Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông.

- Đơn vị phối hợp thực hiện: Các Sở chuyên ngành; Các chuyên gia đầu ngành trong các lĩnh vực Văn hóa - Xã hội, Quản lý đô thị, Kinh tế, Khoa học công nghệ; các công ty tư vấn phần mềm,...

d) Thời gian thực hiện: từ quý 4 năm 2012 đến năm 2015.

III. Xây dựng Trung tâm nghiên cứu phân tích thông tin thành phố

1. Nhiệm vụ

- Hình thành Trung tâm nghiên cứu phân tích thông tin trực thuộc Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đảm bảo công tác phân tích, dự báo, tham mưu và cung cấp số liệu kịp thời và chính xác cho lãnh đạo thành phố;

- Đầu tư kinh phí, nhân sự, trang thiết bị, hạ tầng thông tin phục vụ cho công tác quản lý điều hành và thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Nội dung

a) Nội dung thực hiện

Xây dựng trung tâm khai thác và nghiên cứu phân tích thông tin thành phố bao gồm cơ sở vật chất trang thiết bị, văn phòng làm việc, kinh phí vận hành và đào tạo nguồn nhân lực khai thác thông tin (cử nhân sự tham gia các lớp đào tạo ngắn hạn và dài hạn chuyên về các hệ thống thông tin phục vụ quá trình công tác tại trung tâm dữ liệu thành phố và hỗ trợ các đơn vị sở - ban - ngành trong quá trình xử lý và khai thác dữ liệu).

b) Chủ đầu tư dự án: Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

c) Thời gian thực hiện: từ quý 4 năm 2012 đến năm 2015.

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo phát triển công nghệ thông tin - truyền thông Thành phố Hồ Chí Minh và Tổ giúp việc thực hiện Chương trình xây dựng Hệ thống thông tin chuyên ngành có trách nhiệm thực hiện Chương trình này.

2. Định kỳ quý III hàng năm, các đơn vị chủ trì thực hiện các chương trình nhánh có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, dự trù kinh phí thực hiện của năm tiếp theo gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính có trách nhiệm bố trí kinh phí kịp thời để triển khai thực hiện Kế hoạch Xây dựng Hệ thống thông tin chuyên ngành theo đúng chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố.

4. Đơn vị chủ trì thực hiện các chương trình nhánh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện ngay sau khi Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt kế hoạch và hàng quý gửi báo cáo cho Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5867/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 11 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về phê duyệt Chương trình Phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trên công nghệ nguồn mở giai đoạn 2012 - 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2012, Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin và truyền thông”;

Căn cứ Quyết định số 235/QĐ-TTg ngày 02 tháng 3 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Dự án tổng thể “Ứng dụng và phát triển phần mềm nguồn mở ở Việt Nam giai đoạn 2004 - 2008”;

Căn cứ Chỉ thị số 07/2008/CT-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông về đẩy mạnh sử dụng phần mềm mã nguồn mở trong hoạt động của cơ quan, tổ chức nhà nước;

Căn cứ Công văn số 4430/BTTTT-CNTT ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sử dụng phần mềm tự do nguồn mở trong giáo trình tin học văn phòng và thi công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 27/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Ủy

ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt “Chương trình phát triển công nghệ thông tin - truyền thông giai đoạn 2011 - 2015”;

Xét đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 13/TTr-STTTT ngày 25 tháng 10 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Chương trình phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trên công nghệ nguồn mở giai đoạn 2012 - 2015”.

Điều 2. Thủ trưởng các sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện căn cứ theo nhiệm vụ và chức năng của đơn vị xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, nhằm thực hiện đạt hiệu quả cao nhất các nội dung của Chương trình phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trên công nghệ nguồn mở giai đoạn 2012 - 2015.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các sở - ban - ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn trên địa bàn thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH

**Phát triển ứng dụng công nghệ thông tin
trên công nghệ nguồn mở giai đoạn 2012 - 2015**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5867/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

- Phát triển công nghệ thông tin nhằm thực hiện các mục tiêu của Chương trình hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế thành phố giai đoạn 2011 - 2015 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ IX và các mục tiêu của Đề án “Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin và truyền thông” theo Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

- Nâng cao năng lực làm chủ công nghệ và hiệu lực, hiệu quả quản lý hệ thống hạ tầng thông tin, nội dung thông tin phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Đảng, Nhà nước; đáp ứng yêu cầu cung cấp, trao đổi thông tin của xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, chủ quyền quốc gia về không gian mạng;

- Đẩy nhanh việc ứng dụng và phát triển phần mềm nguồn mở trong xây dựng mô hình và kiến trúc ứng dụng công nghệ thông tin cho việc phát triển Chính phủ điện tử tại thành phố giai đoạn 2012 - 2015 và định hướng đến năm 2020 nhằm xây dựng một nền Chính phủ điện tử đảm bảo Luật Sở hữu trí tuệ, bảo vệ bản quyền tác giả và giảm chi phí mua sắm phần mềm, thúc đẩy phát triển công nghiệp công nghệ thông tin tại Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và Việt Nam nói chung.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

Những mục tiêu cần đạt được vào năm 2015:

- 100% các hệ thống thuộc kiến trúc nền (hệ điều hành, cơ sở dữ liệu, các ứng

dụng phục vụ xây dựng và phát triển ứng dụng) tại trung tâm dữ liệu của thành phố và các sở - ban - ngành, quận - huyện được triển khai đảm bảo việc tuân thủ Luật Sở hữu trí tuệ, trong đó có 80% hệ thống áp dụng công nghệ nguồn mở nhằm tiết kiệm hầu hết tổng kinh phí đầu tư bản quyền cho hệ thống và chi phí nâng cấp công nghệ hàng năm;

- 80% các phần mềm ứng dụng có tính chất dùng chung, được triển khai trên diện rộng của thành phố áp dụng công nghệ mã nguồn mở;

- 100% cán bộ thuộc các sở - ban - ngành, quận - huyện được đào tạo sử dụng phần mềm nguồn mở và có ý thức về việc bảo vệ bản quyền phần mềm;

- Xây dựng đội ngũ kỹ thuật trực thuộc các sở - ban - ngành, quận - huyện đáp ứng yêu cầu trong công tác xây dựng phần mềm, quản lý hệ thống và hỗ trợ người dùng sử dụng phần mềm nguồn mở;

- Tuyên truyền rộng rãi cán bộ, công chức thành phố ứng dụng phần mềm nguồn mở trên các phương tiện truyền thông như báo chí, Đài phát thanh, Đài truyền hình;

- Hỗ trợ 100% các tỉnh thành thuộc khu vực phía Nam triển khai ứng dụng công nghệ thông tin với chi phí thấp và đảm bảo Luật Sở hữu trí tuệ.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Xây dựng các chính sách thúc đẩy ứng dụng và phát triển phần mềm nguồn mở tại Thành phố Hồ Chí Minh

a) Nội dung thực hiện:

- Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích ứng dụng và phát triển phần mềm nguồn mở để thu hút các Trường, Viện, Hiệp hội nghiên cứu khoa học tham gia vào việc đào tạo và nghiên cứu phát triển phần mềm nguồn mở; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các chuyên gia trong và ngoài nước cũng như các công ty đầu tư kinh doanh, phát triển, chuyển giao công nghệ và đào tạo về phần mềm nguồn mở tại Thành phố Hồ Chí Minh;

- Ban hành chính sách khuyến khích sử dụng một số phần mềm nguồn mở trong các cơ quan nhà nước tại Thành phố Hồ Chí Minh (giai đoạn 2012 - 2015).

b) Tổ chức thực hiện:

- Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông;

- Đơn vị phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ; Hội Tin học thành phố; các Trường Đại học và các Viện nghiên cứu,...

c) Thời gian thực hiện: từ quý IV năm 2012 đến quý I năm 2013.

2. Xây dựng kiến trúc ứng dụng công nghệ thông tin, mua sắm phần mềm và phát triển mô hình chính quyền điện tử ứng dụng công nghệ nguồn mở

a) Nội dung thực hiện:

- Xây dựng kiến trúc ứng dụng công nghệ thông tin và phát triển hệ thống phần mềm trong xây dựng Chính phủ điện tử của thành phố trên nền tảng công nghệ nguồn mở, định hướng đưa về mô hình tập trung trên nền tảng công nghệ điện toán đám mây;

- Đánh giá kiểm thử chất lượng phần mềm làm cơ sở cho việc đầu tư mua sắm phần mềm;

- Xây dựng các chuẩn kỹ thuật kết nối, liên thông tích hợp với các hệ thống của thành phố.

b) Tổ chức thực hiện:

- Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông;

- Đơn vị phối hợp: các sở - ban - ngành, quận - huyện.

c) Thời gian thực hiện: từ năm 2013 đến năm 2015.

3. Triển khai ứng dụng phần mềm nguồn mở trong xây dựng chính quyền điện tử tại thành phố

a) Nội dung thực hiện:

- Tổ chức triển khai thí điểm phần mềm nguồn mở với đủ các lĩnh vực tác nghiệp chuyên ngành tại một quận và một sở, sau đó nhân rộng cho toàn bộ các sở - ban - ngành, quận - huyện;

- Triển khai các ứng dụng mới trên nền tảng công nghệ nguồn mở và cuốn chiếu dần các ứng dụng cũ đã triển khai trên công nghệ nguồn đóng sang công nghệ nguồn mở.

b) Tổ chức thực hiện:

- Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông;

- Đơn vị phối hợp: các sở - ban - ngành, quận - huyện.

c) Thời gian thực hiện: từ năm 2013 đến năm 2015.

4. Hỗ trợ các tỉnh thành triển khai ứng dụng với chi phí thấp, đảm bảo Luật Sở hữu trí tuệ trong chương trình liên kết vùng

a) Nội dung thực hiện:

- Cung cấp giải pháp và phần mềm ứng dụng trên nền tảng nguồn mở cho các tỉnh thành;

- Thực hiện liên thông kết nối, chia sẻ thông tin giữa Thành phố Hồ Chí Minh với Trung ương và các tỉnh thành phía Nam;

- Xây dựng trang thông tin diễn đàn nguồn mở nhằm kết nối, chia sẻ kinh nghiệm trong quá trình triển khai, phát triển phần mềm nguồn mở với các tỉnh thành trên phạm vi cả nước.

b) Tổ chức thực hiện:

- Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

c) Thời gian thực hiện: từ năm 2013 đến năm 2015.

5. Đào tạo nguồn nhân lực cho ứng dụng và phát triển phần mềm nguồn mở

a) Nội dung thực hiện:

- Tổ chức đào tạo sử dụng phần mềm nguồn mở cho các cán bộ, công chức nhà nước;

- Hình thành đội ngũ cán bộ đủ năng lực triển khai ứng dụng, phát triển phần mềm nguồn mở và hỗ trợ giải quyết sự cố cho các sở - ban - ngành, quận - huyện thời gian là 24/7;

- Tổ chức đào tạo cán bộ kỹ thuật tại các sở - ban - ngành, quận - huyện có chuyên môn về quản trị và sử dụng phần mềm nguồn mở;

- Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo phát triển phần mềm nguồn mở tại các trường Đại học nhằm tạo lực lượng chủ lực trong công tác xây dựng và phát triển phần mềm tại Thành phố Hồ Chí Minh;

- Thu hút các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia vào hoạt động đào tạo về phần mềm nguồn mở tại Thành phố Hồ Chí Minh;

- Tạo kênh thông tin đào tạo và giải đáp trực tuyến cho các đơn vị sở - ban - ngành và quận - huyện.

b) Tổ chức thực hiện:

- Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông;

- Đơn vị phối hợp: các sở - ban - ngành, quận - huyện.

c) Thời gian thực hiện: từ năm 2013 đến năm 2015.

6. Tuyên truyền ứng dụng phần mềm nguồn mở đảm bảo Luật Sở hữu trí tuệ

a) Nội dung thực hiện:

- Xây dựng và tuyên truyền các cơ chế, chính sách sử dụng phần mềm nguồn mở trong các cơ quan quản lý nhà nước: sở - ban - ngành, quận - huyện, doanh nghiệp;

- Xây dựng chương trình quảng bá lợi ích của việc sử dụng phần mềm nguồn mở trên các phương tiện thông tin đại chúng: báo chí (báo giấy, trang thông tin điện tử), phát thanh, truyền hình;

- Xây dựng các lớp chuyên đề, hội thảo và các buổi chuyên đề chuyên ngành về ứng dụng phần mềm nguồn mở trong các cơ quan quản lý nhà nước ở các cấp thành phố, quận - huyện, phường - xã;

- Thành lập hiệp hội phần mềm nguồn mở (thành viên là các trường đại học, các doanh nghiệp,...) trực tiếp quản lý diễn đàn phần mềm nguồn mở chia sẻ kinh nghiệm, giải đáp thắc mắc cho cán bộ, công chức tại các sở - ban - ngành và quận - huyện.

b) Tổ chức thực hiện:

- Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông;

- Đơn vị phối hợp: các sở - ban - ngành, quận - huyện, Đài Truyền hình thành phố, Đài Tiếng nói nhân dân thành phố, báo Sài Gòn Giải phóng, báo Tuổi trẻ;...

c) Thời gian thực hiện: từ năm 2013 đến năm 2015.

7. Hợp tác quốc tế về phần mềm nguồn mở

a) Nội dung thực hiện:

Tham gia vào các diễn đàn, tổ chức, hiệp hội phần mềm nguồn mở của khu vực

và quốc tế để tăng cường khả năng hợp tác, học tập và trao đổi kinh nghiệm trong quá trình triển khai, xây dựng phần mềm nguồn mở.

b) Tổ chức thực hiện:

- Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông;
- Đơn vị phối hợp: các sở - ban - ngành, quận - huyện.

c) Thời gian thực hiện: từ năm 2013 đến năm 2015

8. Tiến tới xây dựng Chương trình ứng dụng công nghệ thông tin trên công nghệ nguồn mở trở thành chương trình mục tiêu hoặc dự án trọng điểm quốc gia

a) Nội dung thực hiện:

Xây dựng đề án trình Chính phủ đề xuất đưa chương trình ứng dụng công nghệ thông tin trên công nghệ nguồn mở thành chương trình trọng điểm quốc gia.

b) Tổ chức thực hiện:

- Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông;
- Đơn vị phối hợp: các sở - ban - ngành, quận - huyện.

c) Thời gian thực hiện: từ năm 2013 đến năm 2015.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo phát triển công nghệ thông tin - truyền thông Thành phố Hồ Chí Minh và Tổ giúp việc thực hiện Chương trình phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trên công nghệ nguồn mở giai đoạn 2012 - 2015 có trách nhiệm thực hiện Chương trình này.

2. Định kỳ quý III hàng năm, các đơn vị chủ trì thực hiện các chương trình nhánh có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, dự trù kinh phí thực hiện của năm tiếp theo gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu, bố trí kinh phí kịp thời để triển khai thực hiện Chương trình phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trên công nghệ nguồn mở giai đoạn 2012 - 2015 theo đúng chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố.

4. Đơn vị chủ trì thực hiện các chương trình nhánh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện ngay sau khi Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt chương trình và hàng quý phải gửi báo cáo về Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo trình Ủy ban nhân dân Thành phố./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Mạnh Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 11 năm 2012

CHỈ THỊ

Về việc tăng cường thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” trên địa bàn thành phố

Chương trình hành động thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” trên địa bàn thành phố là Chương trình có ý nghĩa tích cực để chuyển đổi nhận thức người tiêu dùng, doanh nghiệp và Nhà nước nhằm vận động các tầng lớp nhân dân và doanh nghiệp phát huy mạnh mẽ lòng yêu nước; xây dựng ý thức tự giác của doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh hình thành nét đẹp trong văn hóa tiêu dùng của người Việt Nam, tạo thêm sức cạnh tranh và làm gia tăng tỷ trọng hàng Việt Nam được tiêu thụ tại thị trường thành phố Hồ Chí Minh.

Sau 3 năm triển khai thực hiện, các ngành, các cấp, các tổ chức, đoàn thể và các tầng lớp nhân dân, doanh nghiệp thành phố đã tích cực hưởng ứng, phối hợp triển khai, thực hiện Chương trình hành động thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” của thành phố đã đạt kết quả tích cực, góp phần ổn định sản xuất - kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, một số cơ quan đơn vị, địa phương tuy có đề ra nghị quyết, kế hoạch triển khai thực hiện nhưng việc chỉ đạo chưa tập trung, thường xuyên, liên tục; tâm lý sính dùng hàng ngoại vẫn còn tồn tại ở một bộ phận người tiêu dùng nhất là những người có thu nhập cao, giới yêu thích thời trang, do chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc về mục đích, ý nghĩa của Cuộc vận động. Thực hiện Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu lãnh đạo các sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện, các tổ chức đoàn thể và các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố triển khai thực hiện các nội dung sau:

1. Sở Công Thương:

- Phối hợp với Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư tiến hành rà soát, lựa

chọn các hàng hóa, sản phẩm đặc trưng, thế mạnh của thành phố để xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình quảng bá, giới thiệu.

- Phối hợp với các sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện đẩy mạnh triển khai thực hiện các Chương trình bình ổn thị trường thành phố, các chương trình hội chợ - triển lãm, các chương trình xúc tiến thương mại theo hướng gắn kết việc thực hiện các mục tiêu của Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Vận động và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tổ chức các điểm bán hàng hóa thương hiệu Việt phục vụ nhu cầu tiêu dùng mua sắm của người dân, đặc biệt tại các quận ven, huyện ngoại thành, các khu chế xuất và công nghiệp thành phố; chỉ đạo các doanh nghiệp tham gia các Chương trình bình ổn thị trường cung ứng ra thị trường các sản phẩm có chất lượng, đa dạng về kiểu dáng, mẫu mã với giá cả hợp lý, tổ chức tốt mạng lưới phân phối nhằm tạo điều kiện cho mọi người dân có điều kiện tiếp cận hàng hóa trong Chương trình bình ổn của thành phố và hàng Việt Nam.

- Tập trung thực hiện Chương trình điều tra, khảo sát thị trường, hành vi và nhu cầu mua sắm của người tiêu dùng, phát triển mạng lưới phân phối trên địa bàn thành phố, thực hiện thông tin, tuyên truyền bằng nhiều phương thức, đa dạng, vận động, làm cho người tiêu dùng trong và ngoài nước nhận thức đúng năng lực sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp Việt Nam, chất lượng của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ Việt Nam.

- Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Sở - ngành chức năng nghiên cứu đề xuất tổ chức Chương trình Tháng khuyến mại thường xuyên với nhiều thời điểm trong năm 2013; xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện và thông báo để các doanh nghiệp chuẩn bị chu đáo, chặt chẽ. Chú ý công tác kiểm tra, kiểm soát không để hàng gian, hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng tham gia với bất cứ hình thức, hoạt động loại hình nào đối với các Chương trình cung ứng hàng hóa đến tay người tiêu dùng.

2. Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư:

- Phối hợp Ủy ban nhân dân quận, huyện, các Ban quản lý chợ và doanh nghiệp xây dựng Chương trình kết nối thương hiệu Việt để mở rộng độ bao phủ hàng hóa, tăng sự hiện diện của hàng Việt Nam đa dạng mẫu mã, đạt chất lượng tại các chợ, khu vực dân cư.

- Tiếp tục tổ chức các Phiên chợ hàng Việt để phục vụ đưa hàng hóa đến với người tiêu dùng tại các Khu chế xuất - Khu công nghiệp, các quận ven, huyện ngoại thành theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố:

- Phối hợp với Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân quận - huyện, Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư, Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố và các doanh nghiệp xây dựng Chương trình bán hàng lưu động, tổ chức hội chợ triển lãm tại các khu chế xuất, khu công nghiệp trên địa bàn thành phố.

- Rà soát, bố trí, sắp xếp mặt bằng và tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp phát triển điểm bán, bán hàng lưu động phục vụ cho người lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất trên địa bàn, đưa hàng hóa bình ổn của thành phố vào các bếp ăn công nghiệp.

4. Các sở - ban - ngành thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện:

- Căn cứ nhiệm vụ được giao theo Quyết định số 1436/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về Chương trình hành động của thành phố thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” trên địa bàn thành phố, tích cực triển khai 5 nhóm giải pháp: (1) Đẩy mạnh công tác tổ chức thông tin, tuyên truyền về Cuộc vận động; (2) Tăng cường kết nối doanh nghiệp thành phố với thị trường tiêu thụ; (3) Nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp Việt Nam; (4) Xây dựng chương trình hành động khuyến khích sử dụng hàng Việt đối với tiêu dùng cá nhân và tiêu dùng nhà nước; (5) Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh cho doanh nghiệp Việt Nam qua việc tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát và quản lý thị trường.

- Các sở - ban - ngành liên quan tiếp tục triển khai các chương trình, đề án: Đề án phát triển hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ nay đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020; Kế hoạch phát triển chăn nuôi của thành phố Hồ Chí Minh tạo nguồn thực phẩm phục vụ bình ổn thị trường giai đoạn 2012 - 2015 và định hướng đến năm 2020; Chương trình kiểm tra, kiểm soát giá cả, kiểm soát thị trường trên địa bàn thành phố; Chương trình tiếp xúc, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh; Quy định về thực hiện các dự án đầu tư thuộc Chương trình kích cầu thành phố Hồ Chí Minh hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp đầu tư trang thiết bị hiện đại, sản xuất sản phẩm thay thế sản phẩm nhập khẩu (thực hiện Quyết định số 33/2011/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố),... nhằm kết nối, hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển sản xuất kinh doanh, hệ thống dịch vụ phân phối đưa hàng về các quận ven, huyện ngoại thành, các khu chế xuất và công nghiệp thành phố tạo điều kiện cho người tiêu dùng tiếp cận và lựa chọn mua sắm, sử dụng hàng hóa thương hiệu Việt.

- Các Sở - ngành tập trung nghiên cứu đề xuất cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính; rà soát kiến nghị bãi bỏ các khoản phí, lệ phí không hợp lý giúp doanh nghiệp giảm chi phí đầu vào; tổng hợp đề xuất kịp thời các chính sách miễn, giảm thuế cho doanh nghiệp và cá nhân theo quy định; tăng cường rà soát để kiến nghị sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh chính sách, đẩy nhanh tiến độ cải cách hành chính nhằm hỗ trợ nhiều hơn cho phát triển sản xuất và phát triển thị trường trong nước.

5. Sở Tài chính căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số 91/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí phục vụ hoạt động của các Ban Chỉ đạo Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” để phối hợp với Ban Chỉ đạo Cuộc vận động thành phố xây dựng dự toán kinh phí hoạt động hàng năm của Ban Chỉ đạo trình Ủy ban nhân dân thành phố./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Hồng

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng